

HỘI TOÁN HỌC VIỆT NAM



THÔNG TIN TOÁN HỌC

Tháng 9 Năm 2007

Tập 11 Số 3



Leonhard Euler (1707-1783)

Lưu hành nội bộ

Thông Tin Toán Học

- Tổng biên tập:

Lê Tuấn Hoa

- Ban biên tập:

Phạm Trà Ân
Nguyễn Hữu Dư
Lê Mậu Hải
Nguyễn Lê Hương
Nguyễn Thái Sơn
Lê Văn Thuyết
Đỗ Long Văn
Nguyễn Đông Yên

- Bản tin **Thông Tin Toán Học** nhằm mục đích phản ánh các sinh hoạt chuyên môn trong cộng đồng toán học Việt nam và quốc tế. Bản tin ra thường kì 4-6 số trong một năm.

- Thẻ lệ gửi bài: Bài viết bằng tiếng việt. Tất cả các bài, thông tin về sinh hoạt toán học ở các khoa (bộ môn) toán, về hướng nghiên cứu hoặc trao đổi về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy đều được hoan nghênh. Bản tin cũng nhận đăng các bài giới thiệu tiềm năng khoa học của các cơ sở cũng như các bài giới thiệu các nhà

toán học. Bài viết xin gửi về toà soạn. Nếu bài được đánh máy tính, xin gửi kèm theo file (đánh theo ABC, chủ yếu theo phong chữ .VnTime, hoặc unicode).

- Mọi liên hệ với bản tin xin gửi về:

*Bản tin: **Thông Tin Toán Học**
Viện Toán Học
18 Hoàng Quốc Việt, 10307 Hà Nội*

e-mail:

hthvn@math.ac.vn

© Hội Toán Học Việt Nam

ĐẠI HỘI TOÁN HỌC VIỆT NAM LẦN THỨ 7

Quy Nhơn – 04-08/08/2008

(Thông báo số 1)

Mục đích Đại hội

Đại hội Toán học Việt Nam là sinh hoạt khoa học lớn nhất của cộng đồng toán học Việt Nam. Đây là dịp để các nhà nghiên cứu, ứng dụng và giảng dạy toán cả nước trình bày những kết quả khoa học của mình trong vòng 5-6 năm gần đây. Đây cũng là dịp để cộng đồng toán học trao đổi, thảo luận về những vấn đề thời sự cấp thiết trong phát triển Toán học của đất nước.

Theo quyết định của Ban chấp hành Trung ương Hội Toán học Việt Nam, Đại hội Toán học Việt Nam lần thứ VII bao gồm hai phần: Hội nghị khoa học và Đại hội đại biểu Hội Toán học Việt Nam. Thành phần đại biểu tham dự Đại hội đại biểu Hội Toán học Việt Nam sẽ được thông báo sau.

Chương trình của Đại hội Toán học Việt Nam sẽ bao gồm 4-5 báo cáo mời phiên toàn thể, các báo cáo mời tiểu ban cùng các thông báo khoa học tại các phiên tiểu ban.

Đơn vị phối hợp tổ chức

- Hội Toán học Việt Nam
- Trường Đại học Quy Nhơn

Ban cố vấn

Đặng Đình Áng (ĐHQG Tp.HCM), Phan Đình Diệu (ĐHQGHN), Nguyễn Đình Trí (ĐHBK HN), Hoàng Tụy (Viện TH), Đỗ Long Vân (Viện TH).

Ban tổ chức

Phạm Thế Long (Học viện KTQS, Đồng Trưởng ban), Trần Tín Kiệt (ĐH Quy Nhơn, Đồng Trưởng ban), Nguyễn Việt Dũng (Viện TH), Tô Anh Dũng (ĐHQG Tp.HCM), Nguyễn Hữu Dư (ĐHKHTN-ĐHQG HN), Đinh Thanh Đức (ĐH Quy Nhơn), Lê Mậu Hải (ĐHSP HN), Nguyễn Văn Hữu (ĐHKHTN-ĐHQG HN), Nguyễn Văn Kính (ĐH Quy Nhơn), Tống Đình Quý (ĐHBK HN), Nguyễn Thái Sơn (ĐHSP Tp.HCM), Lê Văn Thuyết (ĐH Huế), Ngô Sỹ Tùng (ĐH Vinh).

Ban chương trình

Lê Tuấn Hoa (Viện Toán học, Đồng Trưởng ban), Đào Trọng Thi (UBTV Quốc hội, Đồng Trưởng ban), Nguyễn Hữu Anh (ĐHKHTN-ĐHQG Tp.HCM), Phạm Kỳ Anh (ĐHKHTN-ĐHQG HN), Nguyễn Hữu Châu (Viện CL&CTGD), Nguyễn Hữu Công (ĐHQG HN), Nguyễn Tự Cường (Viện TH), Đỗ Ngọc Diệp (Viện TH), Nguyễn Hữu Việt Hưng (ĐHKHTN-ĐHQG HN), Nguyễn Quý Hỷ (ĐHKHTN-ĐHQG HN), Phan Quốc Khánh (ĐHQT-ĐHQG Tp.HCM), Hà Huy Khoái - Viện TH), Lê Hải Khôi (Viện CNTT), Lê Ngọc Lăng (ĐH Mô-Địa chất), Nguyễn Thành Long (ĐHKHTN-ĐHQG Tp.HCM), Nguyễn Văn Mậu (ĐHKHTN-ĐHQG HN), Trần

Văn Nhung (Bộ GD&ĐT), Hoàng Xuân Phú (Viện TH), Phạm Hữu Sách (Viện TH), Lê Hùng Sơn (ĐHBK HN), Nguyễn Khoa Sơn (Viện KH&CNVN), Đỗ Đức Thái (ĐHSP HN), Nguyễn Duy Tiến (ĐHKHTN-ĐHQG HN), Ngô Việt Trung (Viện TH).

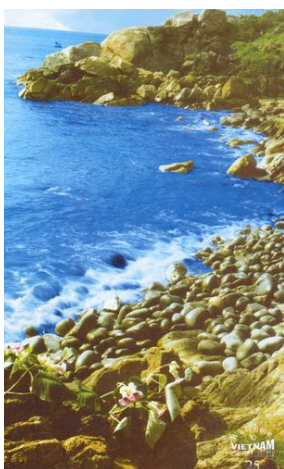
Thời gian và địa điểm tổ chức

Đại hội sẽ được tổ chức từ ngày 04-08/08/2008 tại Trường Đại học Quy Nhơn, TP Quy Nhơn (Bình Định).

- ♦ Đăng ký tham dự: Trước 30/05/2008.
- ♦ Gửi tóm tắt báo cáo: Trước 15/06/2008.
- ♦ Thông báo chấp nhận báo cáo: Trước 30/06/2008.
- ♦ Gửi giấy mời tham dự: Trước 05/07/2008.

Ngôn ngữ chính thức của Đại hội

Ngôn ngữ sử dụng trong thời gian diễn ra Đại hội là tiếng Việt và tiếng Anh. Tuy nhiên, tất cả các báo cáo toàn văn được lựa chọn để in trong Tuyển tập công trình Đại hội đều cần được trình bày bằng tiếng Anh để có thể trao đổi Quốc tế.



Tóm tắt báo cáo

Tóm tắt báo cáo (tiếng Việt hoặc tiếng Anh) gửi tới BCT Đại hội, không quá 1 trang khổ giấy A4, cần được soạn thảo trên máy tính với font UNICODE (UTP-8).

Mẫu tóm tắt báo cáo được qui định như sau:

- ♦ TÊN BÁO CÁO (chữ in hoa, căn giữa dòng)
- ♦ **Họ tên tác giả** (chữ thường đậm, căn giữa dòng)
- ♦ *Tên cơ quan nơi làm việc*, nếu có (chữ thường nghiêng, căn giữa dòng)
- ♦ Nội dung báo cáo (chữ thường, căn đều hai bên)

Khuyến khích việc gửi tóm tắt báo cáo, đăng kí tham dự và trao đổi qua thư điện tử.

Hội nghị phí

Hội nghị phí được qui định như sau:
Cán bộ: 200.000đ, Sinh viên 100.000đ

Khoản kinh phí đóng góp này được dùng để chi cho tặng phẩm, nước uống và tiệc chiêu đãi của Đại hội.

Tài trợ

Ban Tổ chức Đại hội sẽ tìm nguồn kinh phí để hỗ trợ một phần chi phí đi lại, ăn ở cho một số nhà nghiên cứu, ứng dụng và giảng dạy toán, ưu tiên các nhà toán học trẻ, có công trình được báo cáo tại Đại hội.

Địa chỉ liên hệ

GS-TSKH Phạm Thế Long, *Học viện Kỹ thuật Quân sự*, 100 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội
Tel: (84-4) 7544.949, (069) 515.205;
Fax: (84-4) 8363.854
E-mail: hthvn@math.ac.vn, long@lqdtu.edu.vn

DANH SÁCH CÁC TIỂU BAN

Tiểu ban Đại số - Hình học - Tô pô:

Nguyễn Hữu Việt Hưng (ĐHKHTN – ĐHQGHN, Đồng Trưởng TB), Ngô Việt Trung (Viện TH, Đồng Trưởng TB), Nguyễn Tự Cường (Viện TH), Đỗ Ngọc Diệp (Viện TH), Nguyễn Sum (ĐH Quy Nhơn), Lê Văn Thuyết (ĐH Huế).

Tiểu ban Giải tích toán học: Nguyễn Văn Mậu (ĐHKHTN – ĐHQGHN, Đồng Trưởng TB), Đỗ Đức Thái (ĐHSP HN, Đồng Trưởng TB), Đinh Dũng (Viện CNTT-ĐHQGHN), Nguyễn Bích Huy (ĐHSP TpHCM), Lê Hải Khôi (Viện CNTT), Lê Hùng Sơn (ĐHBK HN), Nguyễn Xuân Tấn (Viện TH).

Tiểu ban Phương trình vi phân và Phương trình đạo hàm riêng: Phạm Kỳ Anh (ĐHKHTN – ĐHQGHN, Đồng Trưởng TB), Hà Tiến Ngoan (Viện TH, Đồng Trưởng TB), Nguyễn Hữu Dư (ĐHKHTN-ĐHQG HN), Nguyễn Mạnh Hùng (ĐHSP HN), Trần Văn Nhung (Bộ GD&ĐT), Nguyễn Thành Long (ĐHKHTN-ĐHQG TpHCM), Vũ Ngọc Phát (Viện TH), Phạm Hữu Sách (Viện TH).

Tiểu ban Tối ưu và tính toán khoa học:

Phan Quốc Khánh (ĐHQT-ĐHQG TpHCM, Đồng Trưởng TB), Hoàng Xuân Phú (Viện TH, Đồng Trưởng TB), Nguyễn Hữu Công (ĐHQG HN), Phạm Thế Long (Học viện KTQS), Lê Dũng Mưu (Viện TH),

Nguyễn Khoa Sơn (Viện KH&CNVN), Hoàng Tụy (Viện TH).

Tiểu ban Xác suất và thống kê toán học:

Nguyễn Đình Công (Viện TH, Đồng Trưởng TB), Nguyễn Duy Tiến (ĐHKHTN – ĐHQGHN, Đồng Trưởng TB), Đặng Hùng Thắng (ĐHKHTN – ĐHQGHN), Trần Lộc Hùng (ĐHKH – ĐH Huế), Nguyễn Văn Thu (ĐHQT-ĐHQG TpHCM).

Tiểu ban Toán học rời rạc và Cơ sở toán trong tin học:

Ngô Đắc Tân (Viện TH, Đồng Trưởng TB), Vũ Đức Thi (Viện CNTT, Đồng Trưởng TB), Nguyễn Cát Hồ (Viện CNTT), Phan Hà Dương (Viện TH), Huỳnh Văn Nam (ĐH Quy Nhơn), Đỗ Long Vân (Viện TH).

Tiểu ban Ứng dụng toán học:

Nguyễn Quý Hỷ (ĐHKHTN – ĐHQGHN, Đồng Trưởng TB), Tống Đình Quì (ĐHBK HN, Đồng Trưởng TB), Phạm Huy Diễm (Viện TH), Nguyễn Văn Gia (Viện Cơ học ứng dụng TpHCM), Nguyễn Văn Hữu (ĐHKHTN-ĐHQG HN), Lê Ngọc Lăng (ĐH Mỏ-ĐC HN), Phạm Trần Nhu (Viện CMTT), Nguyễn Hải Thanh (ĐH Nông nghiệp HN).

Tiểu ban Giảng dạy và Lịch sử toán học:

Hà Huy Khoái (Viện TH, Đồng Trưởng TB), Nguyễn Hữu Châu (Viện CL&CTGD, Đồng Trưởng TB), Trần Văn Hạo (ĐHSP TpHCM), Phan Huy Khải (Viện TH), Bùi Văn Nghị (ĐHSP TpHCM), Nguyễn Đình Trí (ĐHBK HN).

BCHTƯ' Hội Toán học Việt Nam

Những năm tháng không quên¹

Nguyễn Duy Tiến
(ĐHKHTN-ĐHQG Hà Nội)

*Cái thừa ban đầu lưu luyến ấy
(Thế Lữ)*

Trong đời làm Toán của tôi có nhiều may mắn, nhưng có lẽ may mắn nhất đối với tôi là những năm tháng được làm Toán với những người trẻ tuổi, tài cao.

Năm 1965 sau khi tốt nghiệp Khoa Toán-Cơ, Đại học Tổng hợp Hà Nội (ĐHTHHN), tôi được GS Hoàng Tụy (lúc đó ông mới 38 tuổi, là Chủ nhiệm Khoa Toán), phân công chữa bài tập Hình học lớp 9 cho khối phổ thông chuyên Toán (ĐHTHHN). Dạy lý thuyết Hình học là cố GS Hoàng Hữu Đường (1936-1987), dạy lý thuyết Đại số là GS Phan Đức Chính, chữa bài tập Đại số là GS Đặng Hữu Đạo. Đây là mô hình đào tạo mới, nên tất cả các thầy đều ngỡ vì phải biên soạn giáo trình cho học sinh giỏi. Thầy Hoàng Hữu Đường lấy một cuốn Hình học nổi tiếng của Pháp làm tài liệu chính. Ông đã dịch cho tôi tất cả các bài tập của sách này. Vì không biết tiếng Pháp, sách lại không có lời giải sẵn, tôi phải tự giải lấy từ A đến Z. Phải nói rằng đây là cuốn sách quý và bài tập trong đó rất hay. Lúc đó tôi còn rất trẻ (23 tuổi), khoẻ mạnh và hăng say, nên dù trong hoàn cảnh chiến tranh rất khó khăn ở khu sơ tán Đại Từ (Bắc Thái) tôi đã cùng những học sinh khối chuyên đầu tiên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Sau đó tôi còn dạy thêm 3 khóa nữa (khóa 2, 3, 4). Nhờ làm việc với các bạn

trẻ, tôi phải tự đào tạo lại bản thân mình, nhờ đó có đủ kiến thức và bản lĩnh làm nghiên cứu sinh ở nước ngoài.

Thế rồi tôi không còn “duyên” dạy chuyên toán nữa, nhưng luôn gắn bó với các thầy của khối: Nguyễn Vũ Lương, Phạm Văn Hùng, Doãn Minh Cường (ĐH Sư phạm), Mai Tư (ĐH Vinh), Nguyễn Đắc Liêm (Quốc Học Huế), Nguyễn Văn Thông và Nguyễn Duy Thái Sơn (Đà Nẵng). Mỗi quan hệ này giúp tôi rất nhiều trong những năm tiếp theo.

Nhưng số phận lại “mỉm cười” với “duyên thâm” của tôi. Sau nhiều năm tháng kiếm sống ở nước ngoài về (1996), tôi được giao trách nhiệm làm Phó ban điều hành Hệ Đào tạo cử nhân Khoa học Tài năng. Tôi nhớ rất rõ, một hôm vào đầu tháng 6/1997, họp ở Viện Toán về trường ĐHKHTN, tôi được anh Đào Trọng Thi (lúc đó là Hiệu trưởng ĐHKHTN) cho đi xe cùng. Lúc ngồi trên xe, anh Thi hỏi tôi “Trường ta sắp mở Hệ Đào tạo cử nhân Khoa học Tài năng (HĐTCNKHTN), anh có thể tham gia được không?” Tôi nhận lời và sau đó bắt tay vào công việc ngay. Trưởng ban điều hành HĐTCNKHTN là GS Đàm Trung Đồn (một nhà Vật lý có uy tín). Tôi và GS Nguyễn Văn Nhân (nhà Địa chất) làm phó cho GS Đồn. Ba chúng tôi làm việc ngày đêm và hết sức tâm đắc với công việc. Tôi nhận dạy Giải tích, thầy Đồn dạy Vật lý. Môn Toán do tôi phụ trách, nên tôi mời GS Nguyễn Hữu Việt Hưng dạy Đại số và GS Đặng Hùng Thắng chữa bài tập Giải tích giúp tôi. Thật may mắn GS Hưng và GS Thắng nhận lời ngay. Thầy Nhân phụ trách quản lý sinh viên (rất tận tâm và tình cảm). Lại một lần nữa chúng tôi bắt tay vào biên soạn giáo trình mới cho HĐTCNKHTN. Thầy Đồn và tôi rất thống nhất quan điểm: trong 2 năm đầu phải lấy Toán, Lý làm gốc, đặc biệt là Toán và coi trọng Tin học cho tất cả các ngành Toán, Lý, Hoá, Sinh, các khoa

¹ Bài viết nhân dịp kỷ niệm 10 thành lập Hệ Đào tạo cử nhân khoa học tài năng, ĐHKHTN, ĐHQGHN: 1997 – 2007.

học Trái đất. Tôi biết rằng đã hơn 30 năm kể từ khi lớp chuyên Toán đầu tiên được thành lập, trình độ sinh viên của Hệ đã tiến bộ vượt bậc. Có thể nói, về mặt kỹ thuật Toán sơ cấp họ còn giỏi hơn tôi. Nhiều sinh viên đã đạt giải trong các kỳ thi Quốc tế, Quốc gia, nên họ học rất nhanh. Vấn đề chính là phải viết được những giáo trình thích hợp và tìm tài liệu tham khảo tốt cho sinh viên. Điều tôi vui sướng nhất là lần đầu tiên Hệ có các sinh viên Toán, Lý, Hoá, Sinh, Địa chất học chung với nhau, đặc biệt là sinh viên Toán, Lý, Hoá sẽ có điều kiện hợp tác làm việc sau này (về sau một số cặp đã nên vợ nên chồng). Môi trường học tập tốt, được Nhà trường và các thầy cô quan tâm đầy đủ, nên sinh viên học hành chăm chỉ và tiến bộ rất nhanh. Tôi nhớ như in những khuôn mặt thông minh, sáng ngời của các em sinh viên khi nghe giảng bài, tiếp thu những kiến thức mới, hoặc chau mày suy ngẫm một điều gì đó chưa rõ (về không gian metric chẳng hạn).

Hệ mới thành lập nhưng tiếng vang đã bay sang tận Pháp (nhờ GS Đàm Trung Đồn). Hội Rencontres du Việt Nam liên cấp 30 suất học bổng cho 40 sinh viên của Hệ. Trường Ecole Polytechnique (danh tiếng của Pháp) cử người sang tuyển chọn sinh viên đi học ở Pháp. Sinh viên đầu tiên được lựa chọn sang Pháp học là Đỗ Quốc Anh (hiện đang học tại Harvard). Thế rồi hàng năm, sinh viên của Hệ lại được nhận học bổng đều đều từ tay các GS. Trần Thanh Vân, Phạm Xuân Yêm hoặc học bổng O DON VALLET. Tôi rất biết ơn các GS Trương Nguyên Trân, Nguyễn Quốc Sơn luôn luôn quan tâm và cổ vũ thầy trò chúng tôi (tới nay đã có tới 59 sinh viên học tại Pháp). Nhờ sự giới thiệu của GS Trần Thanh Vân, GS Greg Landsberg (Mỹ) đã nhiều lần đến Hệ tuyển chọn sinh viên của Hệ cho một số trường đại học của Mỹ. Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đặc biệt khuyến khích các tài năng trẻ của Hệ. GS Trần Văn Nhung, thứ trưởng, thường

xuân gọi điện cho tôi hỏi thăm về tình hình của Hệ. Nhờ vậy, nhiều sinh viên của Hệ đã được gửi đi đào tạo tại các đại học nổi tiếng của Anh, Nga, Đức, Nhật, Úc, Singapore,... (năm 2003 tới thăm Nga, tôi gặp được hơn 20 sinh viên của Hệ đang học tại ĐHTH Matxcova - MGU). Thêm vào đó, đúng dịp chương trình VEF của Mỹ ra đời, nhiều sinh viên của Hệ đã có cơ hội sang Mỹ học tập, đào tạo thành tiến sĩ.

Với tôi thì một trong những thành công ban đầu của Hệ là có một số sinh viên giỏi Toán hoặc Lý, Hoá đã tự nguyện sang học một số lĩnh vực Sinh học, các khoa học Trái đất. Về sau các sinh viên này đã có nhiều đóng góp cho ngành Sinh học, Địa chất, Địa lý, Khí tượng thuỷ văn và Môi trường (điển hình là Ngô Đức Thành, sau khi bảo vệ tiến sĩ ở Pháp về địa chất, đã sang Nhật làm việc và trở thành nhà khoa học có uy tín). Thỉnh thoảng tôi nói đùa với thầy Nhân rằng “ngành Địa chất sẽ hưởng lợi nhiều từ HĐTCNKHTN”. Ngoài ra, ngành Cơ học và Thiên văn cũng được quan tâm đặc biệt (một số sinh viên của Hệ đang theo học hai lĩnh vực này tại Mỹ). Tôi tin rằng, chúng tôi đã là đơn vị đầu tiên đào tạo theo các chuẩn mực quốc tế và thực sự thành công.

Tôi lại phải tự đào tạo lại bản thân một lần nữa để hướng dẫn sinh viên của mình chọn đúng môi trường học tập và làm việc ở trong nước hoặc ở nước ngoài. Nhìn chung, tôi cho rằng mình không phải là người có tài làm Toán, nhưng có nhiều tài... liệu và biết cách liên hệ, tổ chức để sinh viên học tập tốt. Các thầy Hưng, Thắng, Dư, Kỳ Anh, Long, Thư, Châu, Hữu Công, Minh, Thụy, Đình Dũng đã góp cho tôi nhiều ý kiến xác đáng. Các thầy trong ban lãnh đạo nhà trường như Giám đốc ĐHQGHN Đào Trọng Thi, Hiệu trưởng ĐHKHTN Nguyễn Văn Mậu cũng tham gia giảng dạy. Các thầy Lương, Hùng, Cường, Mai Tư, Liêm, Thông, Sơn luôn

cổ vũ học sinh giỏi của họ vào học HĐTCNKHTN. Nhờ thế, hầu hết các học sinh đoạt giải Quốc tế và Quốc gia đã tình nguyện trở thành sinh viên của Hệ. Nhiều nhà toán học, vật lý, hoá học... đã gửi con em của họ cho Hệ đào tạo. Hệ có gần đầy đủ đại diện học sinh của các khối chuyên thuộc nhiều tỉnh thành trong cả nước: chuyên Hùng Vương (Phú Thọ), Trần Phú (Hải phòng), Nguyễn Trãi (Hải dương), Lê Hồng Phong (Nam Định), Lam Sơn (Thanh Hóa) Phan Bội Châu, chuyên Đại học Vinh, ĐHKHTN, ĐHSP, Amsterdam, Chu Văn An (Hà Nội), chuyên Quốc Học (Huế), Lê Quý Đôn (Đà Nẵng),...

Viện Toán học (là một ví dụ của một cơ quan khác) rất hoan nghênh việc thành lập HĐTCNKHTN. Chúng tôi đã mời nhiều nhà Toán học của Viện đến giảng dạy cho sinh viên của Hệ như: Nguyễn Tự Cường, Lê Tuấn Hoa, Nguyễn Quốc Thắng, Nguyễn Đình Công, Nguyễn Việt Dũng ... và một số nhà toán học trẻ như Nguyễn Khắc Việt, Phùng Hồ Hải, ... Có thể nói rằng khắp mọi nơi trong nước đều quan tâm đến kết quả đào tạo của Hệ. Báo, đài thường xuyên đến phỏng vấn. Nhiều giáo sư nước ngoài tự nguyện đến Hệ giảng bài như F. Pham (nhà Toán học nổi tiếng của Pháp), Đàm Thanh Sơn (nhà Vật lý trẻ của Mỹ), Trịnh Xuân Thuận (nhà thiên văn lừng danh của Mỹ). Đặc biệt trong số này có tới 4 người được giải thưởng Nobel là: *Norman Ramsay* (Nobel 1989, Various techniques in atomic physics), *Jerome Friedman* (Nobel 1990, Development of the Quark model), *James W. Cronin* (Nobel 1980, Charge-parity violation) và *Klaus Von Klitzing* (Nobel 1985, Quantized Hall effect) đã đến thăm và cổ vũ cho Hệ (hai GS đầu đến Hệ năm 2001, hai GS tiếp theo - năm 2006). Năm 2003, ngài Giám đốc Polytechnique, tướng Gabriel de Nomazy cũng đến thăm và nói chuyện thân mật với sinh viên của Hệ.

Tất cả chúng tôi đều hiểu rằng “Có bột mới gột nên hồ”. Không có sự ủng hộ của lãnh đạo, các phòng ban, Khoa và các thầy cô giáo của nhiều lĩnh vực khác nhau thì chương trình đào tạo của Hệ sẽ thất bại. Không có sự hưởng ứng tham gia học tập của sinh viên thì chương trình của Hệ sớm tàn lụi. Tôi luôn ghi nhớ điều ấy.

Đã mười năm trôi qua rồi, ít nhất có tới 150 sinh viên của mỗi ngành khoa học cơ bản được đào tạo theo chương trình của HĐTCNKHTN. Và do đó ít nhất tôi đã làm quen được 600 bạn trẻ. Tuổi trẻ và tài năng của sinh viên buộc tôi (như một huấn luyện viên) phải trẻ lại, làm việc hăng say hơn. Một số sinh viên của Hệ nay đã trở thành TS, giảng viên, cán bộ nghiên cứu ở nhiều viện uy tín trong và ngoài nước. Nhân dịp này tôi muốn nhắc nhở các bạn trẻ đôi điều:

1. Trong truyện Kiều có những câu thơ đáng nhớ sau đây:

Mở đầu truyện Kiều Nguyễn Du viết:

*Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.*

Sau đó là

*Có tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần.*

Rồi ông nhắc nhở

Tài tình chi lắm cho trời đất ghen.

và kết luận

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

2. Người Trung Quốc xưa đã phân người tài ra làm hai loại:

Người tài năng và Người tài trí

và có câu bình luận sau đây:

Người tài năng thường dễ nổi và hay xem thường người tài trí. Người tài trí ít nổi hơn, nhưng người tài năng thường là vật sở hữu của người tài trí.

Theo tôi thì *tài năng là phong độ, còn tài trí là đẳng cấp*.

3. Tục ngữ Việt Nam có câu:

Xấu đều hơn tốt lỗi.

Theo tôi câu này trong nhiều trường hợp không đúng (một đội bóng phải có một cầu thủ dẫn dắt lối chơi của toàn đội chứ!). Tuy nhiên, ngẫm cho kỹ thì câu này nhắc nhở người tài không được “khôn lỏi”, không được ích kỷ. Người tài phải biết tỏa sáng cùng với đồng đội (thủ quân lừng danh của đội tuyển Hà lan Johahn Cruiff đã từng nói: *Tôi đá bóng để cùng đồng đội ghi bàn và chiến thắng*).

4. Bác Hồ nói:

Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu.

Theo tôi câu này luôn luôn đúng. Nhưng diệt giặc dốt rất khó, vì giặc dốt ở trong mỗi con người (kể cả những người rất tài).

5. Trong Quốc Tử Giám có ghi câu:

Hiền tài là nguyên khí Quốc gia.

Theo tôi câu này là hay nhất trong tất cả các câu trên.

Người ta thường khen nhau: **Tài tình quá**. Trong thơ và nhạc thường nói nhiều đến chữ tình, ít khi nói đến chữ tài. Nếu trong chương trình “Trò chơi âm nhạc” mà có ô chữ **TÀI** thì tôi chịu không hát được bài gì ngoài bài “Hoan hô chú bộ đội đánh Mỹ tài ghê”. Còn chữ **TÌNH** thì có “Tình em biển cả”. Văn nghệ sĩ còn rất kiêng nói đến chữ tài đến thế, thảo nào, khi đặt tên cho Hệ, Giám đốc Đào Trọng Thi phải kiên trì lắm mới giữ được chữ **TÀI** cho Hệ. Người Việt quý trọng người tài, nhưng khiếm tốn. Nhớ lấy điều này các em nhé.



Tác giả và học sinh của Hệ

Các em sinh viên của Hệ thân mến!

Thầy Đồn (sinh năm 1934), thầy Nhân (sinh năm 1939), tôi (sinh năm 1942) và sau này là thầy Nguyễn Văn Hùng (sinh năm 1943), thầy Nguyễn Trọng Uyển (sinh năm 1940) đã già rồi: thầy Đồn, thầy Nhân, thầy Uyển đã về hưu, tôi cuối năm nay, và thầy Hùng sang năm cũng thế. Tất cả chúng tôi mong mỗi ngày thành đạt của các em, thay thế thế hệ già chúng tôi, hoặc vì lý do nào đó mà phải ở lại thì hãy theo gương các bác Trần, Văn, Yên, Sơn, Thuận, Phạm, Tráng... hướng về Tổ quốc Việt nam, tìm cách nào đó phục vụ cho quê hương mình.

Với tôi, mười năm cuối của tôi làm việc ở ĐHKHTN, ĐHQGHN thật sự may mắn, vì được làm việc đúng với tâm nguyện và ước vọng của mình: *mười năm trồng cây (vườn hơn 600 cây đã bắt đầu ra hoa, kết trái)*.

Chúc các em sức khỏe, thành đạt, may mắn và hạnh phúc. Nhớ rằng, các thầy cô luôn tin tưởng và tự hào về các em.

*Mùa thu vàng hoa cúc,
Chỉ còn anh và em là của mùa thu cũ...
Kìa bao người yêu mới đi qua vùng heo
may,
Chỉ còn anh và em cùng tình yêu ở lại.
(thơ Xuân Quỳnh)*

GIẢI THƯỞNG TOÁN HỌC QUỐC TẾ RAMANUJAN: “Một chùm khế ngọt” trong tầm với của các nhà Toán học trẻ Việt Nam

Phạm Trà Ân (Viện Toán học)

Ramanujan là ai? Đó là một nhà toán học người Ấn Độ, mà cuộc đời và sự nghiệp rất giống với cuộc đời và sự nghiệp của nhà toán học nổi tiếng người Na Uy, Henrik Abel (1802-1829)². Cuộc đời và sự nghiệp của hai Nhà toán học này có thể tóm gọn trong sáu chữ sau: “Thiên tài + Nghèo khổ + Mất sớm”. Chính vì vậy, nhân dân Ấn Độ vẫn triu mến gọi Ramanujan của mình là “Chàng Abel của Ấn Độ” và các nhà Toán học Na Uy cũng rất đồng cảm và kính trọng tài năng toán học của Ramanujan.

Srinivasa Ramanujan sinh ngày 22 tháng 12 năm 1887, tại một làng quê, cách thành phố Madras của Ấn độ khoảng 400 km. Ramanujan sống và học tập ở nông thôn, trong cảnh nghèo khó và bệnh tật. Nhưng cậu học rất giỏi, đặc biệt là môn Toán.



Cậu bé Ramanujan đã tự học lấy Toán là chính. Năm 15 tuổi, cậu đã giải được các phương trình bậc 3 và bậc 4 theo cách riêng của mình. Trong thời gian học Trung học phổ thông, Ramanujan đã có các kết quả nghiên cứu về chuỗi, về hằng số Euler, về các số Bernouille và về hàm elliptic.

Rất may mắn cho Ramanujan là cậu đã liên hệ được với G. H. Hardy (1877-1947), một nhà toán học người Anh nổi tiếng thời bấy giờ. Vào thời điểm này, Ấn Độ còn là một thuộc địa của Anh. Hardy đã nhận ra tài năng toán học đặc biệt của Ramanujan và đã dùng uy tín cá nhân của mình để vận động xin cho Ramanujan một suất học bổng tại Đại học Cambridge, Anh quốc.

Từ 1914-1916 Ramanujan đã đến ĐH Cambridge học và năm 1916 cậu đã có bằng cử nhân toán. Năm 1918, nhờ các công trình xuất sắc của mình về Lý thuyết số, Ramanujan đã được bầu là hội viên của Hội Toán học Hoàng gia Anh,

² **Niels Henrik Abel** sinh ngày 5 tháng Tám năm 1802, mất ngày 16 tháng Tư năm 1829. Ông là người Na Uy, và là một ngôi sao sáng lấp lánh trên bầu trời Toán học. Năm 18 tuổi, tên Ông đã được nhiều người biết đến, do ngay trong công trình đầu tay của mình, Ông đã chứng minh được một kết quả rất hay là *Phương trình bậc 5 dạng tổng quát không giải được nếu chỉ dùng các thủ tục đại số*.

Abel cũng được cộng đồng toán học xem như là người đã có công xây dựng một “*Cơ sở toán học*” chặt chẽ cho ngành Giải tích. Trong công trình được coi là lớn nhất của mình “*Recherches fonctions elliptiques, 1827*” (Nghiên cứu các hàm elliptic), Ông đã thực sự làm một cuộc cách mạng đối với hàm elliptic, khi Ông xét các hàm ngược của chúng.

một tổ chức khoa học rất có uy tín tại Anh thời bấy giờ.

Nhưng bất hạnh thay! Trong thời gian học ở Anh, sức khoẻ của Ramanujan ngày càng giảm sút. Có lẽ một phần do thời tiết ở Anh mùa đông quá lạnh, một phần do Ramanujan cảm thấy cô đơn, xa lạ với nền văn hoá Anh, một nền văn hoá rất khác biệt so với nền văn hoá Phương đông của Ấn độ. Năm 1919, Ramanujan đành trở về Ấn Độ để chữa bệnh. Nhưng sức khoẻ của Ramanujan ngày càng kiệt quệ và Ông đã qua đời ngày 26 tháng 4 năm 1920, ở độ tuổi 32 thanh xuân đang tràn đầy sức sáng tạo, để lại khoảng 3000 công thức và định lý, trong đó nhiều kết quả không có chứng minh hoặc mới chỉ có ý tưởng chứng minh. Khi nghiên cứu các công thức số học của Ramanujan để lại, chính Hardy đã phải thốt lên: “Những công thức của Ramanujan chứa đựng trong chúng nhiều gấp bội những gì mà thoạt đầu chúng ta tưởng”.

Trong cuộc đời ngắn ngủi của mình, Ramanujan đã kịp có những cống hiến rất độc đáo và bất ngờ đối với Toán học, đặc biệt là đối với một số lĩnh vực của Lý thuyết số và Ông đã được đánh giá là một trong số các nhà số học lớn của thế kỷ XX.

Vì sao đã có các Giải thưởng Fields và Abel rồi, vẫn cần có thêm Giải thưởng Ramanujan nữa?

Như mọi người đều biết, cộng đồng Toán học trên thế giới đã có 2 giải thưởng Toán học rất danh giá và đầy uy tín, đó là Giải thưởng Fields của LĐTHTG và Giải thưởng Abel của Nhà nước Na Uy.

Giải thưởng Fields (cùng với những “Người anh em” của mình là Giải thưởng Nevanlinna và Giải thưởng Gauss) được dành cho các nhà Toán học thuộc lớp U40 (dưới 40 tuổi), có kết quả nghiên cứu xuất sắc và có nhiều triển vọng phát triển trong tương lai (riêng

Giải thưởng Gauss vì là giải dành cho Toán học ứng dụng, nên không có hạn chế về tuổi). Những nhà toán học trẻ tài ba như thế, theo ghi chép của các sử gia, thì mỗi năm nhân loại chỉ có trung bình một người. Vì vậy đi đôi với sự kiện Giải thưởng Fields được trao tặng tại Lễ Khai mạc trọng thể của Hội nghị Toán học Thế giới, bốn năm mới tổ chức một lần, là quyết định của LĐTHTG nâng số người được giải từ một lên không quá bốn người tại mỗi kỳ Hội nghị Toán học Thế giới, để không bỏ sót không tôn vinh bất cứ nhân tài toán học nào.

Giải thưởng Abel mới có cách đây 5 năm và được dành cho các nhà Toán học đã cả đời làm Toán và có nhiều cống hiến quan trọng, xuất sắc cho Toán học. Giải được trao hàng năm, mỗi năm một giải, với số tiền thưởng thật xứng đáng và ngang bằng với tiền thưởng của một Giải thưởng Nobel!

Về nguyên tắc, cả hai giải đều không có sự phân biệt nào về người được giải thuộc quốc gia giàu hay nghèo, phát triển hay chưa phát triển. Nhưng trên thực tế, tất cả những người được Giải thưởng Fields và Giải thưởng Abel từ trước đến nay, đều là các nhà toán học đang sống và làm việc tại các nước giàu và đã phát triển. Các nhà toán học thuộc Thế giới thứ ba (các nước nghèo hoặc chậm phát triển), do điều kiện sống và làm việc có nhiều khó khăn, môi trường nghiên cứu không thuận tiện, đã không thể đua tranh được với các đồng nghiệp tại các nước giàu và đã phát triển.

Chính vì thế, để động viên và khuyến khích các tài năng trẻ toán học đang sống và làm việc tại các nước đang phát triển, đồng thời góp phần giảm thiểu sự chảy máu “chất xám” từ các nước nghèo sang các nước giàu, LĐTHTG thấy cần có thêm một giải thưởng toán học nữa, dành riêng cho các nhà toán học đang làm việc có kết quả tại các nước thuộc Thế giới thứ ba. Đó là lý do ra đời của

Giải thưởng Toán học quốc tế Ramanujan. Giải do LÐTHTG và Viện Hàn lâm Khoa học Thế giới thứ ba (TWAS) đồng chủ trì, và giao cho Trung tâm Vật lý lý thuyết, (ICTP), Trieste, thuộc TWAS đứng ra tổ chức. Quỹ Giải thưởng Abel của Na Uy nhận tài trợ 10.000 USD mỗi năm để làm phần thưởng cho Giải thưởng Ramanujan³.

Các điểm chính của Giải thưởng Ramanujan?

Giải thưởng Ramanujan có thể coi như là một dạng của Giải thưởng Fields và Giải thưởng Abel, với những sửa đổi thích hợp cho phù hợp với hoàn cảnh

³ Có một Giải thưởng Toán học Quốc tế khác nữa cũng mang tên Ramanujan. Đó là Giải thưởng về Lý thuyết số của ĐH SASTRA, thuộc tỉnh Kumbakonam, Ấn Độ. SASTRA là viết tắt của Shanmugha Arts, Science, Technology, Research Academy, một tổ chức khoa học hoạt động ở miền Nam Ấn Độ. Tỉnh Kumbakonam là tỉnh ly quê hương của Ramanujan. Để phân biệt hai Giải thưởng cùng mang tên Ramanyjan, người ta đã thêm chữ SASTRA vào tên Giải thưởng của ĐH SASTRA thành Giải thưởng *SASTRA Ramanujan*, còn Giải thưởng Ramanujan của Trung Tâm Quốc tế Vật lý Lý thuyết (ICTP), Triest, đôi khi cũng được viết cho rõ là Giải thưởng *ICTP Ramanyjan*.

Giải SASTRA Ramanujan cũng có từ năm 2005, cũng mỗi năm một giải, giải cũng trị giá 10.000 USD. Nhưng người được giải phải dưới 32 tuổi. (32 là tuổi của Ramanyjan khi mất). Giải được trao tại Hội nghị Quốc tế về Lý thuyết số và Tổ hợp, được tổ chức hàng năm từ 19-22 tháng Mười Hai, tại ĐH SASTRA, Ấn Độ.

Giải thưởng SASTRA Ramanujan-2005 đã được trao chung cho Manjul Bhargava (ĐH Princeton) và Kannan Soundararajan (ĐH Michigan). Năm 2006, Giải được trao cho Terence Tao (ĐH California). Terence Tao là một trong 4 nhà toán học vừa được nhận Giải thưởng Fields, tại Hội nghị Toán học Thế giới tại Madrid, Tây Ban Nha, tháng Tám năm 2006.

của các nhà Toán học thuộc Thế giới thứ ba.

Sau đây là các điểm cơ bản của giải thưởng Ramanujan :

Giải được trao hàng năm, bắt đầu từ năm 2005, mỗi năm một giải, cho các công trình toán học xuất sắc của các nhà toán học thuộc Thế giới thứ ba, với điều kiện công trình này đã được thực hiện chủ yếu tại các nước thuộc Thế giới thứ Ba .

Người được giải không quá 45 tuổi (U45), tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét giải. (Ta nhớ lại một chút, tuổi của Giải thưởng của Hội Toán học Châu Âu là U35, của Giải thưởng Fields và Nevanlinna là U40 , của Giải thưởng Viện Toán học ở Việt Nam là U40).

Mọi chuyên ngành của Toán học hiện đại đều được hoan nghênh và chấp nhận đăng ký xét giải.

LÐTHTG và Viện Hàn Lâm Khoa học Thế giới thứ ba, từng thời kỳ, sẽ chỉ định một Hội đồng xét giải thưởng gồm 5 nhà Toán học có uy tín. Hội đồng xét Giải thưởng Ramanujan năm 2006 gồm các GS Bernt Oksendal (ĐH Oslo, Na Uy), Jacob Palis (Viện Toán học Lý thuyết và Ứng dụng, Brazil), Peter Sarnak (ĐH Princeton, Mỹ), Le Dung Trang (ICTP, Italy) và Srinivasa Varadhan (Viện Courant, Mỹ).

Giải trị giá 10.000 USD và chi phí cho một chuyến đến thăm Trung tâm Vật lý Lý thuyết , (ICTP), Triest, Italia, để nhận giải. Tại đây người được giải được mời làm một “Bài giảng Ramanujan” (báo cáo khoa học giới thiệu về công trình được giải, do chính người được giải trình bày).

Giải được xét tặng cho một nhà toán học có công trình xuất sắc là chính. Trong trường hợp đặc biệt, giải cũng có thể xét tặng cho công trình xuất sắc do nhiều người cùng thực hiện, và khi đó

giải sẽ được chia đều cho những người cùng thực hiện.

Hồ sơ đăng ký xét giải gồm có:

- + Bản lý lịch khoa học.
- + Bản tự giới thiệu tóm tắt về công trình đăng ký xét giải. Cần có thuyết minh rõ ràng và gửi kèm theo đầy đủ các tài liệu có liên quan.
- + Nên có 2 thư giới thiệu của 2 nhà Toán học có uy tín.

Hồ sơ gửi bằng Email trực tiếp về director@ictp.trieste.it trước ngày 31 tháng Bảy hàng năm.

Kết quả xét giải được công bố vào ngày 15 tháng 11 hàng năm và giải được trao tặng tại một buổi lễ trọng thể, tổ chức tại ICTP vào ngày 15 tháng 12 cùng năm.

Những người đã được Giải Ramanujan là ai?

Sau đây là giới thiệu vài nét về những người đã được giải :

Ramanujan-2005: đã được trao cho *Marcelo Viana*, Viện Toán học lý thuyết và ứng dụng (IMPA), Brazil.



Ông sinh năm 1962 tại Rio de Janeiro, Brazil. Tốt nghiệp ĐH Porto, 1984. Bảo

vệ luận án Tiến sĩ tại Viện Toán học Lý thuyết và ứng dụng năm 1990, dưới sự hướng dẫn của GS Jacob Palis. Hiện Ông là GS, Viện phó IMPA, Brazil. Ông đã có những cống hiến quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu Các hệ động lực, Định lý Ergodic, Lý thuyết phân nhánh.

Ramanujan-2006: đã được trao cho *Ramdorai Sujatha*, một nhà toán học nữ, Viện Nghiên cứu cơ bản Tata (TIRF), Ấn Độ.



Bà sinh năm 1962 và được đào tạo chủ yếu tại các trường ĐH của Ấn Độ. Bà bắt đầu công tác tại TIRF từ năm 1985. Hiện nay Bà là Phó Giáo sư tại Trường Toán thuộc TIRF. Bà đã có những kết quả xuất sắc trong lĩnh vực Số học các đa tạp đại số và Lý thuyết Iwasawa không giao hoán. Đặc biệt, Bà cùng với Coates, Fukaya, Kato và Venjakob đã hình thành một version không giao hoán của giả thuyết chính trong lý thuyết Iwasawa, một giả thuyết có ảnh hưởng nhiều đến các công trình của những người khác trong lĩnh vực này. (Có một thông tin thú vị là vừa qua Bà đã đến Việt Nam tham gia và trình bày báo cáo khoa học tại Hội nghị quốc tế “Lý thuyết số và các vấn đề liên quan”, tổ chức tại

Viện Toán học, Hà Nội, từ 12-15/12/2006).

Vì sao là “trong tâm với” mà không là “trong tâm tay”?

Giải thưởng Toán học Quốc tế Ramanujan của LĐHTG được dành riêng cho các nhà Toán học đang sống và làm việc tại các nước thuộc Thế Giới thứ ba. Việt Nam là một nước đang phát triển và thuộc Thế giới thứ ba. Trong Thế giới thứ ba, cũng như trong khu vực Đông Nam Á, nền Toán học Việt nam đã và đang có một vị trí xứng đáng. Bằng chứng là năm 1984, Viện Hàn lâm Khoa học của Thế giới thứ Ba (TWAS) đã công nhận Viện Toán học Việt Nam là một trong số 10 Trung tâm Toán học xuất sắc của Thế giới thứ ba và hàng năm đều có một số nhà toán học trẻ từ các nước đang phát triển và chậm phát triển đến đây để học tập và nghiên cứu. Hơn thế nữa, đứng về tiềm lực, chúng ta có một đội ngũ “các nhà toán học hậu bị” rất đáng nể. Bằng chứng là GS John Webb, Thư ký của Ủy ban Tư vấn Olympic Toán Quốc tế (IMO), đã xếp Việt Nam vào hàng “Top Ten” trong số các nước có đội tuyển mạnh, dự thi Olympic Toán Quốc tế. Nhìn chung, theo ý kiến của một số nhà toán học có uy tín trong “Làng Toán học Việt

Nam”, thì trong Thế giới thứ ba, nền Toán học Việt Nam đâu có kém cỏi gì, nếu có phải đứng sau ai, thì có lẽ chỉ sau Trung Quốc, Ấn Độ, và Brazil mà thôi! Nhưng nền Toán học Việt Nam thời gian gần đây cũng đã bộc lộ một *nhược điểm nghiêm trọng*. Đó là: phần lớn tuổi của những người làm Toán đã trên 45, số các nhà toán học trẻ, tuổi đời 30-40, làm việc có kết quả và có triển vọng phát triển trong tương lai, đếm lại còn quá ít, lại thường bị các yếu tố đời thường khác chi phối. Biết làm sao? Một khi “*com, áo, đâu có đùa với...khách Toán!*”. Trong bối cảnh chung như vậy, muốn đua tranh được với thiên hạ, muốn dành được Giải thưởng Ramanujan danh giá, muốn mang lại vinh quang cho Tổ quốc, các nhà Toán học trẻ Việt Nam không có con đường nào khác, là nuôi dưỡng cho mình một ước mơ cao đẹp, một khát vọng cháy bỏng, một nghị lực phi thường, cộng với một sự lao động kiên trì. Tất cả tập trung trong một số tài năng trẻ, sẽ tạo nên một sự vươn lên mạnh mẽ, mang tính đột phá, biến *Ước Mơ thành Hiện Thực*. Chỉ có thế, các bạn trẻ Việt Nam mới mong tiếp cận và có hy vọng hái được “Chùm khế ngọt”... vẫn đang vẫy gọi ở trên cao kia kìa!

ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ: GHI NHẬN VÀ SUY NGÃM⁴

Nguyễn Hữu Việt Hưng (ĐHKHTN-ĐHQG Hà Nội)

Gần đây Bộ GD & ĐT quyết định chuyển toàn bộ hệ thống đào tạo đại học ở nước ta thành đào tạo theo tín chỉ. Nhiều đoàn đại biểu các cấp, từ cấp Bộ cho tới cấp các đại học, các khoa... được cử đi tham quan từ một vài ngày cho tới 1-2 tuần tại một số đại học (thường là có thứ hạng không cao) ở Mỹ. Khi về nước, nhiều vị đã có những phát biểu, nhận định về hệ thống đào tạo theo tín chỉ. Vì thời gian tham quan quá

⁴ Bài viết theo đặt hàng của Ban Giám hiệu ĐHKHTN HN, và đã trình bày tại Hội nghị triển khai Đào tạo theo Tín chỉ của ĐHKHTN HN, ngày 22/8/2007.

ngắn, lại không trực tiếp tham gia giảng dạy, nên không có gì ngạc nhiên là các vị này thường đưa ra những thông tin không rõ ràng, nhiều khi trái ngược nhau. Chuyện này khiến người nghe nhớ đến cảnh thầy bói xem voi.

Trong bài viết này, tôi được trao trách nhiệm thuật lại những điều tôi biết về hệ thống đào tạo theo tín chỉ của Mỹ. Những hiểu biết của tôi được đúc rút từ 5 lần làm việc tại Mỹ, chủ yếu là giảng dạy, song song với hợp tác nghiên cứu, trong đó có 3 lần trọn vẹn cả năm học, và 2 lần tròn một học kỳ, tại một số đại học có tiếng của Mỹ, như ĐH California (Berkeley), ĐH Johns Hopkins (Baltimore), ĐH Wayne State (Detroit), ĐH Washington (Seattle). Tôi cũng kết hợp kinh nghiệm giảng dạy trực tiếp với những quan sát tại một số đại học khác mà tôi được mời tới làm báo cáo khoa học, như ĐH MIT, ĐH Chicago, ĐH Illinois (Chicago), ĐH Michigan, ĐH Rochester... Từ lâu, tôi tự đặt cho mình câu hỏi: Vì sao hệ thống đại học của Mỹ có thể đào tạo các sinh viên có trình độ ở đầu vào nói chung không cao, thành những chuyên gia giỏi chỉ trong vòng 4 năm (đối với cử nhân) hoặc 8 năm (đối với tiến sĩ). Tôi sẽ trao đổi trên tinh thần mà Khổng Tử đã nói: “Tri dĩ vi tri, bất tri dĩ vi bất tri, thị tri”, tạm dịch là: “Biết thì nhận là biết, không biết nhận là không biết, thế mới thực là biết”. Tôi cũng sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi và thảo luận trên mọi khía cạnh của hệ đào tạo theo tín chỉ, trong chừng mực mà hiểu biết của tôi cho phép.

Sinh viên bắt đầu một học kỳ như thế nào?

Ở Mỹ, bắt đầu một học kỳ mỗi sinh viên tự quyết định các môn mà mình sẽ theo học trong học kỳ đó, nhằm thu được một số tín chỉ nhất định. Nếu học ít môn quá, thì thời gian học sẽ kéo dài, tăng phí tổn, và khó được nhận học bổng. (Học bổng được quyết định trên cơ sở số tín chỉ và kết quả của các tín chỉ mà sinh viên thu được trong học kỳ trước.) Nếu học nhiều môn quá thì sinh viên không đủ sức lực và thời gian. Tất nhiên, mỗi môn học đều có đòi hỏi tiên quyết về những môn sinh viên phải học trước đó. Trong mỗi học kỳ, mỗi môn học đều được giảng bởi nhiều giáo sư khác nhau, ở nhiều lớp khác nhau, tại nhiều thời điểm khác nhau. Sinh viên được quyền đăng ký vào học ở một trong các lớp này, chủ yếu dựa trên sự phù hợp về thời gian của họ với thời gian biểu của lớp học. Nhớ rằng nhiều sinh viên vừa đi làm (*full time* hoặc *part time*) vừa đi học. Số sinh viên của mỗi lớp học thường được giữ cho không vượt quá 40 hoặc 50 người (tùy đại học). Vì thế, nếu đăng ký muộn, sinh viên có thể không được xếp vào lớp mà anh ta muốn. Sinh viên được quyền học thử trong khoảng 1-2 tuần (tùy từng đại học), sau thời gian thử đó, sinh viên có thể xin đổi lớp (để có thời gian biểu phù hợp hơn, hoặc để được học một giáo sư mà người đó thích), hoặc xin thôi học môn này mà vẫn được hoàn lại học phí. Việc xin đổi lớp phải được sự đồng ý của giáo sư dạy ở lớp mà sinh viên muốn chuyển tới, và phải được giáo vụ chuẩn y.

Tóm lại, trong đào tạo theo tín chỉ, không có khái niệm hai sinh viên học cùng một lớp, chỉ có hai sinh viên học cùng một môn học. Các khái niệm lớp trưởng và giáo viên chủ nhiệm cũng do đó mà trở nên vô nghĩa.

Giáo sư nhận một môn học với những ràng buộc và hỗ trợ gì?

Mỗi môn học đều có đề cương (syllabus) do Khoa quy định và được đưa lên mạng từ trước. Đề cương này nêu rõ: Học theo sách nào, học những chương nào, những tiết nào bắt buộc, những tiết nào tùy chọn, mỗi chương và mỗi tiết chiếm thời lượng xấp xỉ bao nhiêu... Trên thực tế, nếu làm đúng như đề cương đòi hỏi, thì bài giảng của các giáo sư khác nhau cũng không khác nhau nhiều, và chất lượng của môn học đã

được đảm bảo chắc chắn. Khoa cử một giáo sư có nhiều kinh nghiệm làm điều phối viên cho mỗi môn học. Nhiệm vụ của người này là trả lời những thắc mắc của các giáo sư ít kinh nghiệm hơn, thống nhất quan điểm của các giáo sư cùng dạy môn này, và nhắc nhở mọi người về thời gian các kỳ thi giữa và cuối kỳ. Họ thường làm tất cả những trao đổi này qua email, chứ không cần họp hành.

Khi nhận phân công giảng dạy một môn học, mỗi giáo sư được thông báo thông qua mạng thời gian và địa điểm dạy, thời gian và địa điểm thi hết môn. Giáo vụ của cả đại học lập ra lịch thi theo nguyên tắc rất công nghiệp, kiểu như sau: tất cả những môn (trong toàn trường) học vào lúc T giờ các ngày Thứ A và Thứ B đều thi vào ngày X lúc Y giờ.

Mỗi giáo sư được giao một trợ lý, làm việc chấm bài tập về nhà cho môn học mà mình dạy. Người này thường là sinh viên giỏi của năm trên, được đại học thuê làm một phần thời gian. Nhiệm vụ của người này là chấm bài tập và lên điểm. Cuối học kỳ giáo sư đánh giá chất lượng công việc của người trợ lý. Trên cơ sở đó, Khoa sẽ quyết định có tiếp tục thuê người này nữa hay thôi.

Đề cương (syllabus) môn học của giáo sư bao gồm những thông tin gì?

Trước khi môn học bắt đầu, giáo sư phải soạn một đề cương (syllabus) chi tiết, phát bản in của nó cho mỗi sinh viên trong buổi học đầu tiên và đưa nó lên trên mạng. Nội dung của đề cương ngoài những quy định chung của đại học (chẳng hạn như nội dung của môn học, sách tham khảo chính, thời gian và địa điểm kỳ thi hết môn...) là những quy định riêng của giáo sư đó đối với sinh viên.

Điểm của môn học được quyết định dựa trên điểm bài tập về nhà, điểm của hai kỳ thi giữa học kỳ, và điểm kỳ thi hết môn. Giáo sư được quyền quyết định tỷ lệ phần trăm của những điểm thành phần nói trên trong điểm của môn học. Thời điểm thi của các kỳ thi giữa học kỳ do giáo sư tự quyết định, và thường được thông báo ngay từ đầu học kỳ, trong syllabus của giáo sư.

Giáo sư phải bố trí cho mỗi lớp mình dạy mỗi tuần khoảng 2-3 lần, mỗi lần 1 giờ, cái gọi là “thời gian văn phòng”. Đó là lúc mà giáo sư có nghĩa vụ phải ở phòng làm việc của mình, để cho sinh viên có thể tới hỏi bài. Mỗi giáo sư ở Mỹ đều có phòng làm việc riêng, nên chuyện này không có gì phiền phức. Sinh viên cũng có thể liên hệ với giáo sư qua email hoặc điện thoại để hẹn giờ hỏi bài riêng, nếu họ bận đột xuất vào “thời gian văn phòng”. Giáo sư thông báo địa chỉ trang web cá nhân, nơi sinh viên nhận bài tập và những lời dặn mỗi tuần, thông báo thời gian nhận và trả bài tập về nhà hàng tuần. Tất cả những thông tin trên đây đều được viết rõ ràng và chi tiết trong đề cương môn học của riêng giáo sư, và được đưa lên mạng từ đầu học kỳ.

Việc dạy và học tiến hành thế nào?

Một số đại học của Mỹ chia một năm thành 4 học kỳ, gọi là semester hay quarter, mỗi học kỳ 3 tháng (bao gồm 10 tuần học, 2 tuần thi, chấm thi và lên điểm, 1 tuần nghỉ chuyển tiếp, tổng cộng 13 tuần). Sinh viên có thể học 3 hoặc 4 học kỳ một năm. Một số đại học khác lại chia một năm thành 3 học kỳ, gọi là semester, mỗi học kỳ 4 tháng (bao gồm 14 tuần học, 2 tuần thi, chấm thi và lên điểm, 1 tuần nghỉ chuyển tiếp, tổng cộng 17 tuần). Sinh viên có thể học 2 hoặc 3 học kỳ một năm.

Trên nguyên tắc, người ta khuyến khích giáo sư đối thoại với sinh viên trong lúc giảng bài, nhưng việc giảng bài trên lớp tại Mỹ về cơ bản không khác với việc giảng bài tại Việt Nam (ít nhất là về môn Toán). Điểm khác căn bản có thể là ở chỗ sinh

viên Mỹ không thích nói quá nhiều về lý thuyết, họ quan tâm và đòi hỏi bài giảng lý giải ý nghĩa và ứng dụng thực tế của vấn đề. Họ cũng chú trọng các kỹ năng thực hành. Họ có thể bình tĩnh khi chưa thấu đáo ý nghĩa lý thuyết của vấn đề, nhưng nếu họ không làm được bài tập thì họ sẽ kéo đến rất đông trong giờ văn phòng của giáo sư. Hàng tuần sinh viên nhận bài tập được giao trên mạng. Bài tập có thể gồm 2 loại, một loại dành cho luyện tập và không phải nộp, một loại khác sinh viên phải nộp lại cho giáo sư vào thời điểm đã hẹn của tuần tiếp theo. Giáo sư chuyển các bài tập vào hòm thư của mình để người trợ lý tới lấy, chấm bài, lên điểm và chuyển lại vào hòm thư cho giáo sư.

Việc thường xuyên có mặt tại lớp không phải một nghĩa vụ của sinh viên. Do đó, việc điểm danh sinh viên đi học tự nó trở nên vô nghĩa.

Giáo sư có thể giao một vài vấn đề cho sinh viên tự đọc. Tuy nhiên, ít nhất là đối với môn toán, những vấn đề này thường là không cốt yếu, và không cần dùng tới trong phần còn lại của giáo trình.

Tôi không hề thấy giờ tự học của sinh viên được ghi trong chương trình của đại học. Sinh viên ở bất cứ đâu, bất cứ thời đại nào cũng phải tự học. Nhưng việc tự học của sinh viên không phải là một bộ phận của chương trình giảng dạy của đại học. Đáng tiếc là ở ĐHQG Hà Nội người ta đang định xếp giờ tự học của sinh viên thành một bộ phận của giờ học chính thức.

Việc thi và chấm thi được tiến hành thế nào?

Giáo sư tự ra đề, tự coi thi và tự chấm thi tất cả các lần thi giữa kỳ và hết môn. Phòng thi không cần tới 2 người coi. Bài thi không cần đọc phách. Cũng có đại học quy định kỳ thi hết môn đối với các môn học ở năm học đầu do một hội đồng của Khoa ra đề chung. Khi đó, điều kiện cần để hoàn thành môn học này là sinh viên phải đạt ít nhất 50% số điểm của kỳ thi hết môn. Điều kiện đủ thì do giáo sư tự quyết định. Tất cả các bài thi đều là tự luận, không thấy dùng hình thức thi trắc nghiệm.

Điểm của môn học được quyết định thế nào?

Như trên đã nói, mỗi giáo sư được quyền tự quyết định tỷ trọng của điểm bài tập về nhà, điểm của hai kỳ thi giữa học kỳ, và điểm kỳ thi hết môn trong điểm của môn học. Chẳng hạn, tôi đã cho bài tập về nhà 50 điểm, mỗi trong 2 kỳ thi giữa học kỳ 100 điểm, kỳ thi hết môn 150 điểm, trong tổng số 400 điểm của môn học. Giáo sư cũng có quyền cho phép hoặc không cho phép sinh viên được làm lại bài thi giữa kỳ và nộp cho giáo sư, nhằm ghi thêm điểm. Chẳng hạn, tôi cho phép sinh viên làm như thế để ghi thêm tối đa là $1/3$ số điểm mà sinh viên đó bị trừ trong lần thi giữa kỳ chính thức. Tôi nhận thấy rằng làm như thế sinh viên tự nhận ra sai lầm mà họ có thể đã mắc phải trong kỳ thi tốt hơn là để họ theo dõi đáp án của tôi.

Một số đại học ghi điểm cuối cùng của môn học bằng 11 bậc, dùng các chữ cái A, B, C, D, kèm theo có thể các dấu cộng hoặc trừ (nhưng không có A+). Một số đại học khác ghi điểm cuối cùng của môn học bằng 41 bậc, từ 0.0 tới 4.0. Việc chuyển thể nào từ điểm cuối cùng (bằng số thông thường) của môn học (chẳng hạn 355/400 điểm) sang thang ghi điểm này cũng do giáo sư tự quyết định.

Giáo sư tự lên điểm và gửi bảng điểm cho giáo vụ của đại học một cách trực tiếp, hoặc qua hệ thống thư tín trong đại học, đôi khi cũng có thể gửi qua thư ký của Khoa. Nếu còn lưỡng lự trong việc có nên đánh trượt hay không một sinh viên, giáo sư có thể thông báo trong bảng điểm nộp cho giáo vụ rằng trường hợp này chưa hoàn tất.

Sau đó, giáo sư có quyền đòi hỏi sinh viên ấy làm một số bài tập bổ sung, hoặc viết thu hoạch về một vấn đề liên quan đến môn học, trên cơ sở đó mà quyết định điểm môn học cho sinh viên này, rồi thông báo kết quả cho giáo vụ. Nếu bị đánh trượt, sinh viên sẽ phải học lại cả môn, không có chuyện thi lại.

Điểm là bí mật cá nhân của mỗi sinh viên. Điểm của mỗi sinh viên được giáo vụ chuyển vào trương mục riêng của sinh viên đó trong hệ thống internet của đại học. Giáo sư có thể thông báo điểm cho từng sinh viên, nhưng không được báo điểm của người này cho người khác.

Sinh viên đánh giá giảng dạy

Cuối học kỳ, trước kỳ thi hết môn, mỗi sinh viên được phát một mẫu “đánh giá giảng dạy”. Sinh viên được nhận xét về những điều bổ ích hay chưa bổ ích của môn học, ưu điểm và nhược điểm của môn học, ưu điểm và nhược điểm của người giảng dạy. Giáo sư không được can thiệp vào đánh giá này. Đây là một hình thức xả “stress” mà các đại học Mỹ dành cho sinh viên. Đại học cũng có thể, trong một chừng mực nhất định, dựa trên những đánh giá của sinh viên để thay đổi một phần nội dung môn học, khiến cho nó dễ được thu nhận hơn. Một số đại học thông báo lại cho giáo sư bản tổng hợp những đánh giá của sinh viên đối với bài giảng của giáo sư này.

SUY NGẪM VÀ ĐÁNH GIÁ

Người Mỹ vận hành nền giáo dục đại học như một ngành công nghiệp không khói. Mỗi đại học của Mỹ có quy mô rất lớn, thường lớn hơn nhiều so với ĐHQG Hà Nội. Chẳng hạn, năm học 2006-2007 ĐH Washington (Seattle) có 40.000 sinh viên, gồm đủ các chuyên ngành: Khoa học, Công nghệ, Kinh tế, Luật, Y, Dược, Kiến trúc, Âm nhạc, Hội họa... ĐHKHTN Hà Nội chỉ tương ứng với một Faculty, một School hay một College của họ. Ta hãy thử phân tích vì sao quy mô các đại học Mỹ thường lớn đến như vậy.

Câu trả lời có thể là thế này chẳng: *Đào tạo theo tín chỉ chắc chắn sẽ dẫn tới bãi bỏ kỳ thi vào đại học*, nhằm duy trì một số lượng sinh viên rất lớn. Thật vậy, nếu mỗi môn học không có nhiều sinh viên theo học, và vẫn chỉ tổ chức được 1-2 lớp, thì sinh viên không có gì để chọn. Do đó, những người theo học cùng một ngành thì chỉ có khả năng chọn cùng một lớp như nhau. Vì thế, tiếng là đào tạo theo tín chỉ, thực ra vẫn không khác gì đào tạo theo niên chế. Đó thực sự là một trở ngại lớn trước mắt chúng ta.

Một câu hỏi tự nhiên được đặt ra là: Nếu bỏ kỳ thi vào đại học thì chất lượng đào tạo đại học ở nước ta vốn đã thấp kém sẽ còn đi đến đâu? Câu trả lời rất đơn giản: Chất lượng đào tạo thấp kém không phải vấn đề chỉ do ngành giáo dục gây ra, cũng không phải chủ yếu do ngành giáo dục. Đây là một vấn đề có nguyên nhân xã hội sâu xa hơn nhiều: *vấn đề xã hội dùng người như thế nào*, có đúng với khả năng của người đó hay không. Xưa nay xã hội dùng người như thế nào thì việc học tập định hình theo như thế. Nếu các nghề nghiệp tốt phần nhiều dành cho con ông cháu cha, hoặc kẻ có tiền dút lót, không cần biết có đủ năng lực hay không, miễn là có một mảnh bằng, thì nạn “học giả” đương nhiên sẽ tràn lan. Nếu trái lại, mọi vị trí đều chọn người có đủ năng lực, bằng cấp chỉ là một điều kiện tối thiểu, có bằng cấp mà không đủ năng lực thì không ai dùng, khi đó mọi người sẽ tự khắc đua nhau học thật. Xem ra, “*nói*

không với tiêu cực trong giáo dục” chỉ là chữa phần ngọn, thay đổi cách dùng người của xã hội mới là trị bệnh từ gốc.

Theo quan điểm của tôi, *việc tổ chức thi trắc nghiệm chắc chắn sẽ dẫn đến thất bại.* Tôi có hỏi một số đồng nghiệp Mỹ về chuyện thi trắc nghiệm và được họ cho biết: từ bé họ chưa bao giờ gặp một kỳ thi trắc nghiệm ở bất kỳ cấp học nào. Tôi hỏi: vậy thi trắc nghiệm được sử dụng ở đâu và trong những trường hợp nào ở nước Mỹ? Họ đáp: thi trắc nghiệm chỉ được sử dụng ở những trình độ và đẳng cấp rất thấp. Tôi kinh hoàng nghĩ về tình trạng thi trắc nghiệm đang được áp dụng tràn lan ở nước ta, với lập luận rằng ở Mỹ họ làm như thế. Có lẽ chỉ vài năm nữa thôi, do cách học để thi trắc nghiệm, chúng ta sẽ đào tạo ra hàng loạt những cử nhân, có khi cả tiến sĩ nữa, không thể tự viết bất kỳ một câu văn hoặc một lời giải đơn giản nào. Khi mà thi trắc nghiệm đã thất bại thì (cũng như việc cải cách chữ viết trước đây) sẽ không một ai chịu đứng ra nhận trách nhiệm. Vì thế, tôi khuyên các nhà chép sử, hãy ghi chép kỹ ngay từ bây giờ những ai tự xưng là cha đẻ của thi trắc nghiệm ở Việt Nam, hoặc hết lòng cổ súy cho nó. Những ghi chép như vậy hẳn là sẽ bổ ích nay mai. Dù sao, tôi hy vọng rằng đào tạo theo tín chỉ sẽ không bị gán với thi trắc nghiệm.

Để chuyển sang đào tạo theo tín chỉ, việc dạy của các giáo sư sẽ không phải thay đổi nhiều, nhưng công việc quản lý hành chính sẽ thay đổi căn bản, theo hướng nặng lên rất nhiều. Nó đòi hỏi phải có một đội ngũ quản lý và nhân viên hành chính rất chuyên nghiệp. Ở Mỹ những người quản lý và nhân viên hành chính đều được đào tạo rất bài bản, khác với ở Việt Nam ta, bất kỳ con ông cháu cha nào cũng đều làm được việc này. *Ta có đủ can đảm và sức lực để thay đổi hệ thống quản lý và nhân viên hành chính hay không?*

Giáo dục theo kiểu gì thì cũng cần đội ngũ giáo sư giỏi. Đó là yếu tố mấu chốt quyết định thành bại của nền giáo dục. Các đại học Mỹ đòi hỏi sinh viên đầu vào không cao. Kỳ thi SAT thật ra rất dễ, chỉ nhằm xếp sinh viên vào đúng đại học có trình độ phù hợp, chứ không phải một cuộc thải loại. Trên thực tế, mọi người Mỹ đã học xong bậc phổ thông, có nhu cầu học đại học, và có khả năng đóng học phí, đều được nhận vào học ở một đại học phù hợp với mình. Sinh viên Mỹ những năm đầu hầu hết còn bỡ ngỡ chẳng hạn với việc khảo sát và vẽ đồ thị hàm số. Nhưng chỉ sau 4 năm học, họ đã trở thành những chuyên gia vững vàng. Điều này có được chủ yếu là nhờ nước Mỹ có một đội ngũ giáo sư rất giỏi, rất chuyên nghiệp. Các giáo sư Mỹ được trả lương cao, tương xứng với lao động của họ. *Chúng ta có trả được lương đủ sống cho các giáo sư hay không?*

Ở trên đã nói tới “thời gian văn phòng”, là lúc giáo sư có nghĩa vụ phải ở phòng làm việc của mình, để sinh viên có thể tới hỏi bài. Mỗi giáo sư ở Mỹ đều có phòng làm việc riêng. Ở nước ta không giáo sư nào có phòng làm việc riêng, trừ các giáo sư làm quan. Để chuyển sang đào tạo theo tín chỉ, ta có đủ sức cấp cho mỗi giáo sư một phòng làm việc không? *Nếu ta chỉ học những cái có thể học được, và bỏ qua những cái ta không muốn học, thì trên thực tế ta không học gì cả.* Người Nhật học cái gì cũng bắt đầu bằng việc sao chép y nguyên, khi nào thực sự làm chủ được đối tượng đó thì họ mới bàn tới chuyện cải biến. Người Việt chúng ta thường làm hỏng việc vì học cái gì cũng không đến nơi đến chốn, “*chưa học làm thầy đã đòi ăn bát*”, và ngộ nhận cái sự lười cá ỷ của mình là trí thông minh.

Tin Toán học thế giới

Đã xác định được cấu trúc của nhóm Lie đặc biệt E_8

18 Nhà Toán học và Tin học hàng đầu thế giới của Mỹ và Châu Âu, sau 4 năm cùng nhau cộng tác, đã vẽ thành công Bản đồ cấu trúc của nhóm Lie đặc biệt E_8 , một trong các cấu trúc lớn nhất và phức tạp nhất trong Toán học. Tính toán cấu trúc của E_8 là một phần của dự án “Atlas của các nhóm Lie và các Biểu diễn”, một dự án được Viện Toán học Mỹ (American Institute of Mathematics) và Quỹ Khoa học Quốc gia (National Science Foundation) của Mỹ đồng bảo trợ. Mục tiêu của dự án là xác định các biểu diễn đơn nguyên của tất cả các nhóm Lie (mà E_8 là nhóm lớn nhất trong số các nhóm Lie đặc biệt). Nhóm E_8 đã được phát hiện ra từ năm 1887, nhưng chưa có ai biết được cấu trúc của nó. GS Jeffrey Adams, ĐH Maryland, người lãnh đạo Dự án đã nhận định: “Thành tựu này có cả hai ý nghĩa: ý nghĩa về mặt khoa học Toán học và ý nghĩa về việc đã sử dụng thành công các “Tính toán thang độ lớn” (large scale Computing) vào giải quyết các vấn đề Toán học phức tạp”.

300 năm ngày sinh của Ô-le vĩ đại

Leonhard Euler (1707-1783) là một trong những nhà toán học vĩ đại nhất của mọi thời đại, có thể sánh với Galileo, Niu-ton và Anhtanh. Ông sinh ra tại Basel (Thụy Sĩ) và sống nhiều năm tại Sant Petersburg (Nga). Nhân ngày sinh nhật lần thứ 300 của Ông, 15/4/2007, và sau đó khắp nơi trên thế giới đã tổ chức nhiều hoạt động kỉ niệm Ông. Một hội thảo quốc tế mang tên Ô-le đã được tổ chức tại quê hương Ông vào hai ngày 30/5-1/6/2007. Festival Ô-le được tổ chức tại Sant Petersburg trong 3 ngày, từ 10-12 tháng 6. Hội Lịch sử Toán học Anh đã tổ chức một ngày hội thảo với tiêu đề “Truyền thuyết Toán học Ô-le” vào 30/6. Trang WEB của Hội Toán học Mỹ có hẳn một “Euler’s 300th” để giới thiệu về Ông và các hoạt động kỉ niệm. Đó là một vài liệt kê những hoạt động đã diễn ra nhân dịp 300 năm ngày sinh của Ô-le.

Chùm tin từ Ban Quốc tế Giảng dạy Toán học (ICMI) thuộc LĐTHTG

Thông báo về ICME-11.

Hội nghị Quốc tế về Giảng dạy Toán học lần thứ 11 (ICME-11) sẽ diễn ra tại Monterrey, Mexico, từ 6-13 Tháng Bảy năm 2008. Hiện đã có Thông báo số 1 của Ban Tổ chức Hội nghị trên trang Web:

<http://icme11.org/node/12>

Các Giải thưởng của ICMI

Ban Quốc tế Giảng dạy Toán học, (ICMI), có 2 Giải thưởng :

+ Giải thưởng Hans Freudenthal dành cho công trình nghiên cứu xuất sắc về Giảng dạy Toán học.

+ Giải thưởng Felix Klein dành cho nhà toán học đã cống hiến cả đời mình cho sự nghiệp Giảng dạy Toán học một cách xuất sắc.

Một ban xét các giải thưởng trên đã được bổ nhiệm và GS Mogens Niss (Đan Mạch) được cử làm Trưởng Ban.

Các thành viên khác của Ban sẽ được giữ kín cho đến khi khai mạc Hội nghị tại Monterrey, Mexico, Tháng 7/2008.

Hiện tại Ban Giải thưởng bắt đầu xét vòng 3 cho các giải của năm 2007. Kết quả sẽ được công bố vào cuối năm 2007. Ban Giải thưởng hoan nghênh mọi ý kiến phát biểu đánh giá từ phía các đồng nghiệp.

Mọi ý kiến xin gửi về địa chỉ Email của GS Mogens Niss : mn@ruc.dk trước ngày 15 tháng 11 năm 2007.

GS H. Bass, cựu Chủ tịch ICMI, được nhận Huân chương Quốc gia về Khoa học năm 2006 của Mỹ

GS Hyman Bass, cựu Chủ tịch ICMI, GS Toán học tại ĐH Michigan, Ann Arbor, vừa được nhận Huân chương Quốc gia năm 2006 về Toán học và Các Khoa học Máy tính do đã có công sáng lập và có nhiều đóng góp xuất sắc cho một ngành toán học mới có tên là “K-Lý thuyết đại số”.

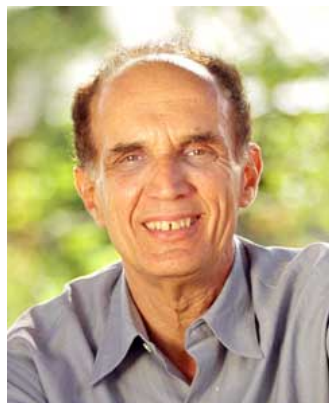


Huân chương Quốc gia về Khoa học của Mỹ là phần thưởng khoa học cao quý nhất của nước Mỹ dành tặng cho các nhà khoa học. Tổng thống Mỹ sẽ đích thân trao tặng Huân chương cao quý này cho những người được giải tại một buổi lễ trọng thể được tổ chức tại Nhà Trắng.

Bass đã đến Viện Toán học tham dự Hội nghị “Đẳng cấu đa thức và các vấn đề liên quan” vào tháng 10 năm 2006.

B. Efron được trao Huân chương Quốc gia về Khoa học năm 2006 của Mỹ

GS Efron, Chủ tịch Hội Thông kê Mỹ và là Giám đốc Viện Toán Thống kê Mỹ, vừa nhận Huân chương Quốc gia về Khoa học năm 2006 của Mỹ, vì “có công đóng góp cho Lý thuyết và Thực hành Thông kê Toán học, đặc biệt là kỹ thuật lấy mẫu “bootstrap” và ứng dụng vào Y học, Vật lý, Thiên văn.



100 năm Bulletin của Hội Toán học Mỹ (AMS) lên mạng

Một trăm năm Bulletin của Hội Toán học Mỹ (1891-1991) vừa lên mạng và kết nối với Bulletin hiện nay. Như vậy độc giả có thể tìm kiếm, tra cứu trên mạng tất cả các

số Bulletin từ khi bắt đầu xuất bản cho đến thời điểm hiện nay, tất cả tổng cộng khoảng 84.000 trang. Đây là hoạt động xuất phát từ dịp kỷ niệm 100 năm thành lập Hội Toán học Mỹ (1888-1988), tiếp theo cuốn sách “Một thế kỷ Toán học tại Mỹ” đã lên mạng.

Giải thưởng Shaw-2007



R. Langlands (sinh năm 1936)

Ngày 12 tháng Sáu năm 2007, Giải thưởng Shaw-2007 đã được trao tặng cho GS Robert Langlands (Viện Nghiên cứu cao cấp Princeton) và GS Richard Taylor



R. Taylor (sinh năm 1962)

(ĐH Harvard) về sự sáng tạo và phát triển một cách nhìn thống nhất ở mức độ cao (a grand unifying vision) đối với Toán học, cách nhìn này cho phép kết nối các số nguyên tố với tính đối xứng (symmetry). Giải trị giá 1 triệu USD và là Giải thưởng Toán học có số tiền thưởng lớn nhất hiện nay.

Giám đốc mới của MSRI

GS Robert L. Bryant, ĐH Duke, vừa được bổ nhiệm làm Giám đốc mới của Viện nghiên cứu Các Khoa học Toán học, MSRI, (Mathematical Sciences Research Institute), Berkeley. Ông bắt đầu nhậm chức từ 1/8 năm 2007.

Lĩnh vực nghiên cứu của Ông là Hình học vi phân và các Ứng dụng vào Hình học Riemann, đặc biệt là vào Holonomy và Vật lý Toán.

Ông hiện là Phó chủ tịch Hội Toán học Mỹ (AMS).



Bổ nhiệm Viện trưởng kế tiếp của Viện Toán học và các Ứng dụng (IMA)



Fadil Santosa vừa được bổ nhiệm làm Viện trưởng kế tiếp của Viện Toán học và Ứng dụng (IMA), Institute of Mathematics and its Applications, bắt đầu từ 1/7/2008. Hiện nay Santosa là giám đốc Trung tâm Toán Công nghiệp thuộc ĐH Minnesota. IMA được Quỹ Khoa học Quốc gia thành lập năm 1982, có trụ sở tại ĐH Minnesota, với nhiệm vụ tăng cường vai trò của Toán học trong các nghiên cứu liên ngành.

Thành lập Tiểu ban “Đánh giá định lượng công tác nghiên cứu khoa học”

Ba cơ quan và Hội gồm Hội đồng quốc tế về Toán công nghiệp và ứng dụng (ICIAM - The International Council of Industrial and Applied Mathematics), Viện Toán học và Thống kê (IMS - Institute of Mathematics and Statistics) và LĐTHTG (IMU - International Mathematical Union), đã quyết định thành lập một Tiểu ban nghiên cứu chung “Đánh giá định lượng công tác nghiên cứu khoa học” (Quantitative Assessment of Research) với nhiệm vụ được giao là nghiên cứu các khía cạnh khác nhau của việc đánh giá định lượng công tác nghiên cứu Toán học. Tiểu ban cũng có nhiệm vụ xem xét các yếu tố có ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu và cách đo các đầu ra của công tác nghiên cứu khoa học.

Tiểu ban gồm có :

- Robert Adler (Haifa, Israel), đại diện của IMS.
- Peter Taylor (Melbourne, Úc), đại diện của ICIAM.
- John Ewing (Providence, Mỹ), đại diện của IMU.

Các đề xuất của Tiểu ban sẽ được tổng kết và được gửi tới 3 Ban Điều hành của 3 cơ quan chủ quản xem xét và thông qua, sau đó sẽ được xuất bản.

Atle Selberg (1917-2007)



GS Atle Selberg, một nhà Lý thuyết số giải tích (analytic number theory) nổi tiếng, đã từ trần ngày 6 tháng Tám năm 2007, thọ 90 tuổi. Atle Selberg đã được nhận Giải thưởng Fields năm 1950 và Giải thưởng Wolf năm 1986. Ông là GS tại Viện Nghiên cứu cao cấp Princeton, Mỹ.

Hội Toán học Nam Triều tiên “nhảy cóc”

Ban Thư ký của LĐTHTG vừa thông báo, bắt đầu từ tháng 6 năm 2007, Nam Triều tiên chính thức được chuyển Nhóm hội viên, từ Nhóm II lên Nhóm IV, nhảy “cóc” 2 bậc.

Về cách thức chia nhóm các nước hội viên của LĐTHTG, có thể tham khảo thêm bài giới thiệu về LĐTHTG trong TTTH, tập 8, số 3, năm 2004.

LĐTHTG mở rộng quan niệm hội viên: “Hội viên thông tấn”

LĐTHTG hiện nay có 68 hội viên - là 68 hội toán học quốc gia. Trong khi đó Liên Hợp Quốc gồm 190 quốc gia. Điều đó có nghĩa là còn có nhiều quốc gia chưa gia nhập LĐTHTG. Các nước này đều là các nước nghèo, thuộc Thế giới thứ 3. Việc các nước này chưa gia nhập LĐTHTG có thể có 2 lý do: một là do nền Toán học của các nước này còn chưa được phát triển, hai là cũng có thể do các nước này gặp khó khăn về khoản hội phí phải đóng cho LĐTHTG (mức thấp nhất cũng khoảng 1.000 USD/năm).

LĐTHTG cho rằng, dù vì bất cứ lý do gì, LĐTHTG vẫn cần giúp đỡ họ, để các nước này dần dần có đủ điều kiện trở thành hội viên chính thức của LĐTHTG. Chính vì thế, tại cuộc họp của Đại Hội Đồng của LĐTHTG, họp tại Santiago de Compostela, Tây Ban Nha, tháng 8/2006, LĐTHTG đã đề xuất khái niệm “Hội viên thông tấn của LĐTHTG” (Associate Member), với thời hạn 4 năm, được gia hạn thêm 4 năm nữa, tổng cộng tối đa là 8 năm và điều quan trọng là *được miễn đóng hội phí trong thời gian là hội viên thông tấn*.

Các hội viên thông tấn có quyền tham dự vào tất cả các hoạt động của LĐTHTG, bao gồm cả quyền được cử đoàn đại biểu đến dự Đại Hội Đồng của LĐTHTG (nhưng không tham gia biểu quyết). Các nhà toán học của các nước hội viên thông tấn có cơ hội gặp gỡ, trao

đổi với các nhà toán học thuộc các nước khác, và qua đó tăng cường sự hiện diện của Hội toán học nước họ trong cộng đồng toán học thế giới.

Như vậy LĐTHTG hiện nay có 4 kiểu hội viên sau đây :

- Hội viên chính thức: Gồm các hội Toán học các nước đã gia nhập LĐTHTG, LĐTHTG không có hội viên là cá nhân.
- Hội viên liên kết (affiliate member): Gồm các tổ chức toán học khu vực hay chuyên ngành.
- Hội viên dự bị (các hội Toán học các nước đã đủ điều kiện gia nhập LĐTHTG, nhưng còn đợi làm thủ tục kết nạp).
- Hội viên thông tấn (associate member)

Theo tin mới nhận được từ Ban Thư ký của LĐTHTG, đã có 2 nước nộp đơn xin trở thành “Hội viên thông tấn” của LĐTHTG. Đó là các nước Ecuador và Kyrgyzstan. Theo điều lệ, để trở thành các hội viên thông tấn, hai nước này vẫn cần vượt qua được một cuộc bỏ phiếu tín nhiệm của tất cả các hội viên trong LĐTHTG sẽ được tổ chức trong thời gian tới.

CIMPA 2008

1. Commutative Algebra, January 2-6, 2008, Mumbai, India.
2. Mathematical models for water flows and water refining, May 10-22, 2008, Tlemcen, Algeria.
3. Riemannian Geometry, pseudo-Riemannian Geometry and Mathematical Physics, May 19-30, 2008, Marrakech, Morocco.
4. Real Analysis and its Applications, May 26-June 6, 2008, Cordoba, Argentina.
5. Representation Theory of Algebras, June 8-18, 2008, Teheran, Iran.
6. Nonlinear analysis and Geometric PDE, June 15-26, 2008, Tsaghkadzor, Armenia.
7. Resurgence, analytic difference-or-differential equations and foliations, July 14-25, 2008, Lima, Peru.
8. Codes over Rings, August 18-29, 2008, Ankara, Turkey.
9. Mathematical and Computer oriented Methods for Landscape Modelling, September 15-30, 2008, Fianarantsoa, Madagascar.

Hội nghị Quốc tế về Toán Công nghiệp và Ứng dụng năm 2007

Hội nghị Quốc tế về Toán công nghiệp và ứng dụng lần thứ 6, ICIAM-2007, đã được tổ chức tại Zurich, Thụy Sĩ, từ 16-20 Tháng 7/2007. Hơn 3.000 người đã tham dự hội nghị, trong số này 63% là đến từ châu Âu, 21% đến từ Bắc Mỹ, 11% từ Châu Á, 2% từ Châu Mỹ La tinh và 1% từ châu Phi.

Chương trình khoa học, các bài giảng, các giải thưởng cùng các thông tin hữu ích khác về hội nghị có trong trang Web của hội nghị : www.iciam07.ch.

“Top Ten” các đội mạnh tại IMO-2007 (theo tổng số điểm đạt được)

TT	Tên nước	Tổng số điểm	HC Vàng	HC Bạc	HC Đồng	Bằng khen
1	Nga	184	5	1	0	0
2	Trung Quốc	181	4	2	0	0
3	Việt Nam	168	3	3	0	0
4	Hàn Quốc	168	2	4	0	0
5	Mỹ	155	2	3	1	0
6	Ukraine	154	3	1	2	0
7	Nhật Bản	154	2	4	0	0
8	CHDCND Triều Tiên	151	1	4	0	1
9	Bulgaria	149	2	3	1	0
10	Đài Loan	149	2	3	1	0

*Mục Tin THTG số này do **Phạm Trà Ân** (Viện Toán), **Trần Minh Tuấn** (ĐHSP2, Xuân Hòa), **Trần Thị Thu Hương** (Viện Toán) và **Dương Mạnh Hồng** (Viện Toán) thực hiện.*

TIN TỨC HỘI VIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG TOÁN HỌC

LTS: Để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau trong cộng đồng các nhà toán học Việt Nam, Tòa soạn mong nhận được nhiều thông tin từ các hội viên HTHVN về chính bản thân mình, cơ quan mình hoặc đồng nghiệp của mình.

Luận án mới (bảo vệ tại Đại học Huế)

1. Lê Đức Thoang (Trường ĐH Phú Yên), nbv: 11/2/2007, csdt: Trường ĐHSP, ĐH Huế, Tên luận án: "*Về cấu trúc của vành QF và một số vành mở rộng*", chn: 62.46.05.01 Đại số và Lý thuyết số, tthd: PGS-TS Lê Văn Thuyết.
2. Cao Huy Linh (Trường ĐHSP, ĐH Huế), nbv: 26/5/2007, csdt: Trường ĐHSP, ĐH Huế, Tên luận án: "*Chặn trên cho chỉ số chính quy Castelnovo-Mumford*", chn: 62.46.05.01 Đại số và Lý thuyết số, tthd: GS-TSKH Ngô Việt Trung và PGS-TSKH Nguyễn Xuân Tuyến.

Mười năm đào tạo Cử nhân khoa học tài năng

Sáng ngày 24/9/2007, tại Hội trường tầng 7 nhà T5, Trường ĐHKHTN – ĐHQG HN đã tổ chức Hội thảo khoa học "10 năm đào tạo Cử nhân khoa học tài năng". Đây là một chương trình mang tính đột phá để khuyến khích học sinh giỏi theo học các môn khoa học cơ bản. Trong thời gian 10 năm ngắn ngủi, Hệ CNKHTN đã gặt hái nhiều thành tích đáng khích lệ, góp phần đào tạo một số lượng đáng kể cán bộ trẻ cho các ngành khoa học Toán, Lý, Hóa, ... Qua 10 năm, có 736 em nhập học. Trong số này hiện có trên 160 em đang học ở nước ngoài. Mặc dù khoá đầu tiên mới kết thúc vào năm 2001, đến tháng 8/2007 đã có 10 sinh viên cũ của Hệ bảo vệ Tiến sĩ. Một số đã bắt đầu chứng tỏ năng lực khoa học nổi trội của mình.

Hệ là một địa chỉ tin cậy để Trường ĐHBK Paris hàng năm đến tuyển sinh

viên. Do vậy nhân dịp này ngài Hiệu trưởng của Trường ĐHBK Paris cũng đến dự Hội thảo và sơ kết kinh nghiệm. Trên cơ sở kinh nghiệm của Hệ đào tạo CNKHTN này, một số trường đại học khác trên cả nước đã mở ra những hình thức đào tạo tương tự.

Kết luận quan trọng nhất của Hội thảo là đề nghị các cấp liên quan tiến hành phân tích những cái được của Hệ để mở rộng qui mô, tạo ra một hình thức đào tạo sinh viên giỏi chính qui và hiệu quả hơn.

Trách nhiệm mới

1. TS Nguyễn Lê Hương được Bộ Giáo dục và Đào tạo cử làm Phó Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau đại học từ tháng 7 năm 2007. Chị sinh năm 1958 và tốt nghiệp Đại học sư phạm Hà Nội 2 ngành Toán năm 1980. Bảo vệ luận án Tiến sĩ Toán học (chuyên ngành Giải tích) năm 1996 tại Trường Đại học sư phạm Hà Nội, dưới sự hướng dẫn của GS-TSKH Đỗ Đức Thái. Từ 1982 đến nay, Chị công tác tại Vụ Đại học và Sau đại học – Bộ Giáo dục và Đào tạo (tiền thân là các Vụ Quản lý khoa học và Đào tạo trên đại học – Bộ Đại học và THCN; Vụ Sau đại học – Bộ Giáo dục và Đào tạo và từ năm 2003 là Vụ Đại học và Sau đại học – Bộ Giáo dục và Đào tạo).
2. PGS-TS Trần Đạo Đông được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Khoa học - Công nghệ của ĐH Huế từ tháng 1/2007. Ông sinh năm 1955 tại Thừa thiên - Huế. Tốt nghiệp đại học năm 1977 tại trường ĐHSP Huế, tốt nghiệp cao học năm 1987 tại trường ĐHSP Hà Nội 1. Ông bảo vệ luận án Tiến sĩ năm 1995 tại Viện Toán học, Hà Nội dưới sự

hướng dẫn của GS-TSKH Đỗ Ngọc Diệp. Ông được phong PGS năm 2003. Ông nguyên là Trưởng phòng Quản lý khoa học - Đối ngoại của trường ĐHSP, ĐH Huế.

3. **TS Trần Vui được bổ nhiệm làm Trưởng Phòng Khoa học - Công nghệ - Hợp tác quốc tế của trường ĐHSP, ĐH Huế từ tháng 3/2007.** Ông sinh năm 1956 tại Thừa thiên - Huế, tốt nghiệp đại học năm 1978 tại trường ĐHSP Huế, tốt nghiệp cao học năm 1987 tại trường ĐHSP Hà Nội 1. Ông bảo vệ luận án Tiến sĩ năm 1993 tại Viện Toán học, Hà Nội dưới sự hướng dẫn của GS-TSKH Đỗ Ngọc Diệp. Trước tháng 3/2007, Ông là Phó trưởng khoa Toán của trường ĐHSP, ĐH Huế.

4. **PGS-TS Lê Văn Thuyết được bổ nhiệm làm Trưởng Ban Đào tạo Sau Đại học của ĐH Huế từ tháng 1/2007.** Ông sinh năm 1956 tại Quảng Trị, tốt nghiệp đại học năm 1978 tại trường ĐHSP Huế, tốt nghiệp cao học năm 1982 tại trường ĐHSP Hà Nội 1. Ông bảo vệ luận án Tiến sĩ năm 1992 tại Viện Toán học, Hà Nội dưới sự hướng dẫn của GS-TSKH Đinh Văn Huỳnh. Ông được phong PGS năm 1996. Cho đến tháng 12/2006, Ông là Trưởng Ban Quản lý khoa học - Đối ngoại của ĐH Huế.

5. **PGS-TS Lê Viết Ngự được bổ nhiệm mới làm Trưởng ban Đảm bảo chất lượng và Dự án giáo dục của Đại học Huế kể từ tháng 1 năm 2007 và bổ nhiệm lại làm Giám đốc Trung tâm Giáo dục Quốc phòng của Đại học Huế kể từ tháng 4/2007.** Ông sinh năm 1950 tại Quảng bình, tốt nghiệp đại học năm 1974 tại trường ĐHTH Belarus, bảo vệ luận án Tiến sĩ năm 1986 tại trường ĐHTH Belarus. Ông được phong PGS năm 2002.

6. **TS Trương Văn Thương được bổ nhiệm là Phó trưởng khoa Toán của trường ĐHSP, ĐH Huế kể từ tháng 4/2007.** Ông sinh năm 1955 tại

Thừa thiên - Huế, tốt nghiệp đại học năm 1977 tại trường ĐHSP Huế, tốt nghiệp cao học năm 1982 tại trường ĐHSP Hà nội 1. Ông bảo vệ luận án Tiến sĩ năm 2001 tại Viện Toán học, Hà Nội. Người hướng dẫn: GS-TSKH Trần Đức Vân.

7. **PGS-TS Trần Lộc Hùng được bổ nhiệm làm Phó Hiệu trưởng, Trường ĐHKH của ĐH Huế từ tháng 4/2007.** Ông sinh năm 1954 tại Thanh Hóa, tốt nghiệp đại học năm 1977 tại trường ĐHTH Tasken, Liên Xô cũ, bảo vệ luận án Tiến sĩ năm 1992 tại Trường ĐHTH Belarus. Người hướng dẫn: GS-TSKH Trush N. N.. Ông được phong PGS năm 2002. Trước đây, Ông từng là Trưởng Khoa Toán và Trưởng phòng Quản lý khoa học - Đối ngoại của trường ĐHKH, ĐH Huế.

8. **PGS-TS Nguyễn Việt Dũng được bổ nhiệm làm Phó Viện trưởng Viện Toán học từ tháng 4/2007.** Anh sinh năm 1959 tại Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp ĐHTH Hà Nội năm 1980, Anh về công tác tại Viện từ năm 1981. Bảo vệ TS năm 1990 dưới sự hướng dẫn của GS Huỳnh Mùi về Tôpô đại số. Năm 2002 được phong PGS. Từ năm 2000 đến tháng 9/2007 anh là Trưởng phòng Phòng Hình học-Tôpô của Viện.

9. **PGS-TSKH Nguyễn Đình Công được bổ nhiệm làm Phó Trưởng ban, phụ trách Ban Kế hoạch – Tài chính của Viện KH&CNVN từ tháng 6/2007 và thôi giữ chức Phó Viện trưởng Viện Toán học từ tháng 9/2007.** Anh sinh ngày 14/6/1960 tại Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội. Tốt nghiệp trường ĐHTH Lômônôxốp (Liên Xô) năm 1983. Bảo vệ luận án TS năm 1987 tại trường ĐHTH Lômônôxốp (Liên Xô). Năm 1997 bảo vệ luận án TSKH tại Viện Toán học, Viện Hàn lâm Khoa học Ba Lan. Được phong PGS năm 2003. Từ 2001-9/2007 là Phó Viện trưởng Viện Toán học.

Thông báo

HỘI NGHỊ QUỐC TẾ “SEMINAR VIỆT-NHẬT LẦN THỨ BA VỀ ĐẠI SỐ GIAO HOÁN”

Thời gian: từ ngày 3/12/2007 đến ngày 7/12/2007.

Địa điểm: Viện Toán học, 18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

Cơ quan tổ chức: Viện Toán học và Đại học tổng hợp Meiji, Nhật Bản

Ban tổ chức: Nguyễn Tự Cường (Viện Toán học), Shiro Goto (ĐHTH Meiji), Lê Tuấn Hoa (Viện Toán học), Ngô Việt Trung (Viện Toán học).

Viện Toán học phối hợp cùng Đại học tổng hợp Meiji, Nhật Bản tổ chức Hội nghị Việt-Nhật về chuyên ngành Đại số giao hoán tại Viện Toán học. Đây là hội nghị chuyên ngành Việt-Nhật lần thứ 3 (hai lần trước được tổ chức tại Tokyo, Nhật Bản) về lĩnh vực Đại số giao hoán, một chuyên ngành mà các nhà toán học Nhật Bản được đánh giá là những chuyên gia hàng đầu thế giới và cũng là chuyên ngành đang được phát triển mạnh ở Việt Nam. Hội nghị này là nơi để các chuyên gia Việt, Nhật báo cáo các kết quả nghiên cứu mới nhất, cũng như thảo luận, trao đổi về những hợp tác nghiên cứu đã có cũng như cho những hợp tác nghiên cứu trong tương lai. Một mục tiêu quan trọng nữa của Hội nghị là tạo thuận lợi cho các giảng viên và nghiên cứu viên trẻ đến từ các trường đại học và viện nghiên cứu trong cả nước có điều kiện gặp gỡ tiếp xúc để học hỏi với nhiều chuyên gia hàng đầu về toán. Dự kiến sẽ có hơn 20 nhà toán học Nhật Bản, khoảng 50 nhà toán học Việt Nam và một số nhà toán học đến từ Thụy Sĩ, Pháp, Hàn Quốc tham gia hội nghị.

Hội nghị Việt-Nhật về Đại số giao hoán sẽ tạo ra một cơ hội thuận lợi cho các nhà toán học Việt Nam tiếp xúc, học hỏi và trao đổi các kết quả nghiên cứu của mình với các chuyên gia đầu ngành ở Nhật Bản và trên thế giới về một lĩnh vực toán học lý thuyết quan trọng có nhiều ứng dụng và đang được phát triển mạnh trên thế giới.

Đăng ký tham dự:

- Căn cứ vào nguồn kinh phí, Hội nghị có thể tài trợ chi phí tham quan du lịch, tài liệu và một phần tiền ăn trưa.
- Đăng ký và gửi tóm tắt báo cáo (nếu có): trước ngày 30/10/2007 theo địa chỉ sau:

Nguyễn Tự Cường – Viện Toán học, 18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.
Email: ntcuong@math.ac.vn.

PHIẾU ĐĂNG KÍ ĐẠI BIỂU THAM DỰ Seminar Việt-Nhật lần thứ ba về Đại số giao hoán, Hà Nội 12/2007

- Họ và tên:
- Học vị, học hàm:
- Địa chỉ và điện thoại liên hệ:
- Tên báo cáo (nếu có):

Ký tên

Thông báo

Hội thảo khoa học
**MỘT SỐ THÀNH TỰU VỀ LÝ THUYẾT TỐI ƯU
CỦA VIỆT NAM**
Hồ Đại Lải, Thứ bảy- ngày 19/1/2008

Mục đích: Đây là một hội thảo kỉ niệm 80 năm ngày sinh của Giáo sư Hoàng Tụy, Tổng thư kí Hội Toán học Việt Nam trong các năm 1966-1988 và Viện trưởng Viện Toán học trong các năm 1980-1990, người sáng lập và lãnh đạo trường phái Lý thuyết Tối ưu ở Việt Nam. Mục đích khoa học của Hội thảo là trình bày tổng quan một số đóng góp của Lý thuyết Tối ưu ở nước ta trong 50 năm qua và định hướng phát triển trong thời gian tới.

Đơn vị tổ chức: Hội Toán học Việt Nam và Viện Toán học.

Ban tổ chức: Lê Tuấn Hoa (Viện Toán học, trưởng ban), Phạm Thế Long (Học viện Kỹ thuật quân sự), Ngô Việt Trung (Viện Toán học).

Báo cáo viên: Lê Dũng Mưu (Viện Toán học), Huỳnh Văn Ngải (ĐH Quy Nhơn) và Hoàng Xuân Phú (Viện Toán học).

Chương trình cụ thể:

7h30: tập trung trước cổng Viện Toán học. Đại biểu nào đi xe máy có thể gửi xe tại nhà xe của Viện KH&CNVN (BTC sẽ trả tiền vé gửi xe!)

7h45: xe khởi hành đi Đại Lải

9h00-12h00: Hội thảo

12h00-13h30: Giải lao

13h30-15h30: Hội thảo bàn tròn và tham quan

15h30: trở về Hà Nội

Thời hạn đăng kí: Trước ngày 31/12/2007.

Địa chỉ liên hệ: Lê Tuấn Hoa

Viện Toán học 18 Hoàng Quốc Việt Hà Nội

Fax 7564303; E-mail: hthvn@math.ac.vn

Lưu ý: Ban tổ chức Hội thảo sẽ tổ chức xe đưa đón đại biểu đi từ Hà Nội lên Đại Lải và trở lại. Sau khi nhận được Phiếu đăng kí (qua bưu điện hoặc E-mail), Ban tổ chức sẽ xem xét và gửi giấy mời tới Quý vị đại biểu.

**Phiếu đăng kí tham dự Hội thảo
“MỘT SỐ THÀNH TỰU VỀ LÝ THUYẾT TỐI ƯU CỦA VIỆT NAM”**

- Họ và tên:

- Cơ quan:

- Địa chỉ, điện thoại, e-mail:

Kí tên

Thông báo số 1

The 6th VIETNAM-KOREA Workshop □Mathematical Optimization Theory and Applications□ Nhatrang, February 25-29, 2008

Topics: Necessary and sufficient optimality conditions, Vector optimization, Parametric optimization, Variational inequalities, Equilibrium problems, Solution sensitivity, Numerical methods for optimization problems, Control theory, Practical optimization problems, Nonlinear analysis with applications to optimization, etc.

Invited speakers: Gyeong Mi Cho (Dongseo Univ., Pusan), Nguyen Dinh (VNU, HCM City), Jin Mun Jeong (Pukyong National Univ., Pusan), Nguyen Van Hien (Univ. Namur), Nguyen Quang Huy (Hanoi Pedagogical Univ. No2, Vinhphuc), Bui Trong Kien (Univ. Civil Engineering, Hanoi), Do Sang Kim (Pukyong National Univ., Pusan), Jong Kyu Kim (Kyungnam Univ., Masan), Phan Quoc Khanh (VNU, HCM City), Sangho Kum (Chungbuk National Univ.), Gue Myung Lee (Pukyong National Univ., Pusan), Le Dung Muu (Inst. Math., Hanoi), Vu Ngoc Phat (Inst. Math., Hanoi), Pham Huu Sach (Inst. Math., Hanoi), Jean-Jacques Strodiot (Univ. Namur), Nguyen Khoa Son (VAST, Hanoi), Tran Hung Thao (Inst. Math., Hanoi), Hoang Tuy (Inst. Math., Hanoi), Nguyen Dong Yen (Inst. Math., Hanoi).

Organized by: Institute of Mathematics (Hanoi), Pukyong National University (Pusan) and Nhatrang Teachers College.

Coordinators: Le Thanh Binh (Nhatrang Teachers College), Do Sang Kim (Pukyong National Univ., Pusan), Pham Huu Sach (Inst. Math., Hanoi).

Scientific committee: Vu Ngoc Phat (Inst. Math., Hanoi) – Co-Chairman, Gue Myung Lee (Pukyong National Univ., Pusan) – Co-Chairman, Gyeong Mi Cho (Dongseo Univ., Pusan), Jin Mun Jeong (Pukyong National Univ., Pusan), Jong Kyu Kim (Kyungnam Univ., Masan), Phan Quoc Khanh (VNU, HCM City), Sangho Kum (Chungbuk National Univ.), Huynh The Phung (Hue Univ.), Nguyen Khoa Son (VAST, Hanoi), Nguyen Dong Yen (Inst. Math., Hanoi).

Organizing committee: Le Dung Muu (Inst. Math., Hanoi) – Co-Chairman, Ta Quang Son – Co-Chairman, Nguyen Tien Cuong, Le Quang Minh, Phan Phien, Do Van Thong (all from Nhatrang Teachers College), Ta Duy Phuong (Inst. Math., Hanoi).

Location: Nhatrang Teachers College, 1 Nguyen Chanh, Nhatrang City

Contact address: Ta Duy Phuong, Inst. Math., 18 Hoang Quoc Viet Road, Hanoi, Vietnam; Tel: (04)7563474 (ext. 213); Fax: (04)7564303, E-mail: tdphuong@math.ac.vn
- Workshop website: www.math.ac.vn/conference/vk2008/thongbao1.html

Language: The official language is English

Conference fee: 150.000VND

Dates to remember: - Registration and abstract submission: Before December 15, 2007
- Notification of acceptance: January 20, 2008
- Conference: February 25-29, 2008

Registration Form

Name (Mr./Mrs., First name, Middle Initial, Last Name):

Title (Prof., Assoc. Prof., Dr., M.Sc., Eng.,...):

Company/Organization:

Address:

Phone:

Fax:

E-mail:

I intend to: attend the conference

☐

give a talk* :

☐

Authors:

Talk presented by:

Title:

* Abstract prepared in Latex style by the Vietnam-Korea form (.pdf and .tex) should be sent to: Dr. Ta Duy Phuong before December 15, 2007.

**Participants who need for accomodation can contact with Mr. Ta Quang Son, Department of Natural Sciences, Nha Trang Teachers College, 1 Nguyen Chanh, Nha Trang City; Tel. 0903598540. E-mail: taquangson@gmail.com.

5th Asian Mathematical Conference

22 - 26 JUNE 2009 • Malaysia

AMC 2009

Activities:

- Keynote addresses by internationally renowned mathematicians
- Invited talks by prominent regional mathematicians
- Contributed papers
- Workshops

Focus Areas:

- Algebra
- Algebraic Geometry
- Analysis
- Operator Algebra & Functional Analysis
- Lie Groups and Lie Algebras
- Number Theory
- Combinatorics
- Logic & Foundations of Mathematics
- Ordinary Differential Equations and Dynamical Systems
- Partial Differential Equations
- Topology
- Mathematical Aspects of Computer Science
- Numerical Analysis and Scientific Computing
- Control Theory, Optimization and Operations Research
- Probability and Stochastic Process
- Statistics
- Application of Mathematics in Sciences
- Mathematics Education

Contact:

Dean
School of Mathematical Sciences
Universiti Sains Malaysia
11800 USM
Penang, Malaysia

E-mail : amc2009@cs.usm.my,
dean_mat@usm.my
URL : <http://math.usm.my/amc2009/>
Tel: +604-653 3284 Fax: +604-657 0910



Organized by:

- Malaysian Mathematical Sciences Society
- Universiti Sains Malaysia
- Mathematics Departments of Malaysian Public Universities

In collaboration with:

- Ministry of Higher Education, Malaysia



Mục lục

<i>Đại hội Toán học Việt Nam lần thứ 7</i>	1
Nguyễn Duy Tiến <i>Những năm tháng không quên</i>	2
Phạm Trà Ân <i>Giải thưởng Toán học quốc tế Ramanujan: “Một chùm khế ngọt” trong tâm với của các nhà toán học trẻ Việt Nam</i>	8
Nguyễn Hữu Việt Hưng <i>Đào tạo theo tín chỉ: Ghi nhận và suy ngẫm</i>	12
Tin toán học thế giới	18
Tin tức hội viên và hoạt động toán học	24
Thông báo: Hội nghị quốc tế “Seminar Việt-Nhật lần thứ ba về đại số giao hoán”	26
Thông báo: Hội nghị khoa học “Một số thành tựu về Lý thuyết Tối ưu của Việt Nam”	27
Thông báo số 1: The 6 th VIETNAM-KOREA Workshop “Mathematical Optimization Theory and Applications”	28
Thông báo: 5 th Asian Mathematical Conference	29